

CỎ THƠM

THÁNG 06, NĂM 2012

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

VŨ HỐI. VŨ THÁI HÒA. HUY LÂM.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. ĐIỆU TÂN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, B. Diệm Châu Nguyễn. Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng,
B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer,
B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn,
Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô. Ngô Tăng Giao,
Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Lê Thuý Hà. Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tôn Nữ Khánh Hội,
B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Khoa Lân,
B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, B. Vũ Thị Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Thanh Mai Phạm. Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga,
Ô. Nguyễn Văn Nghị, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc (Germany), Ô. Đăng Nguyên,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước,
B. Chu Thanh Quỳnh, B. Nghiêm Thái Phượng, B. Nguyễn Trần Song Phượng, Ô. Trần Bích San,
Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. T.hảo Nguyễn Phạm, B. Nguyễn Phương Thảo (Germany). Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada),
B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân,
Ô. B. Võ Trưng, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn, Ô. Yên Vi,
B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Đoàn Ngọc Xuân,
B. Hoàng Hồng Yến, B.S. Võ Đạm, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Harvest Moon Restaurant, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC.

MỤC LỤC

ĐỀ	TRANG		
		VĂN	
NGUYỄN T.N. DUNG: Lá Thư Mùa Hè	5	CÁT ĐƠN SA: Lá Bùa Mê	154
PHẠM TRỌNG LỆ: Tình Yêu và Lòng Chung Thủy....	8	THANH TRANG: Về Bài Hát “Chiều Muộn”	161
NGÔ TẦNG GIAO: Văn Thơ của cố Văn Thi sĩ Hà Bình Trung	13	CHIÊU HOÀNG: Hương Rơi Cuối Mùa	164
CAO NGUYỄN: Đoá Cỏ Thơm.	16	PHAN ANH DŨNG: Về Bài Hát	171
ĐỖ BÌNH: Bên Dòng Kỷ Niệm	19	PHƯƠNG DUY TDC: Hương Thủy	172
PHẠM VĂN TUẤN: Sir Arthur Ignatius Conan Doyle	27	NGUYỄN Q. KHẢI: Nghề Chơi Cũng...	175
HẢI BĂNG HDB & BẠCH CÚC NTN Ca Dao Tục Ngữ Là Gì?	31	NGUYỄN T.N. DUNG: Mùa Hè 1955	182
TRẦN TAM NGUYỄN: Dòng Đời Trôi	37	TÂM VIỆT: Sách “Lưu Hương Ký”...	190
LÊ MỘNG NGUYỄN: Người Phụ Nữ Việt Nam qua trào lưu ...	41	NGUYỄN T.N. DUNG: Tuổi Niệm...	197
HỒ TRƯỜNG AN: Đi và Sống với Nhà Thơ Phan Khâm	48	TRƯỜNG ANH THUY: Viết Về	199
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Hồi Tưởng Ngày Đức Thầy Thọ Nạn	55		
PHẠM THỊ NHUNG: Tiếng Đàn Tái Ngô	63	THƠ	
NGUYỄN V. NHIỆM: Lịch Sử Và Sử Mệnh	67	HỒ CÔNG TÂM: Hùng Sử Ca	18
NGUYỄN THUY: 30 Tháng Tư Từ Ngày...	74	KIỀU ANH: Xin Vâng Lời Thầy	21
VĂN QUANG: Văn Hóa “Mất Nết”	77	VIỆT BĂNG: Trăm Năm Chưa Đủ...	43
TÔN NỮ MẠC GIAO: Ngày Mai thì.... Đã Muộn Rồi	83	HÀ BÌNH TRUNG: Trên Đất Khách	54
NGUYỄN MÂY THU: Câu Chuyện...	92	DIỄM HOA: Terre D’antan	54
VŨ NAM: Cô Giáo Viên và...	99	PHAN KHÂM: Tà Dương & Vòng Lẩn Quẩn	62
TIỂU THU: Gửi Người Thiên Thu	104	BÙI THANH TIÊN: Như Cối Vô Thường	62
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU: Trích Đoạn	110	TRẦN TRUNG KHẢO: Đổ Cả Thiên Thu	88
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu	117	LÊ XUÂN NHUẬN: My Life For My ...	88
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa	128	PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU: Mừng Bạn Tân Tòng	89
ĐẶNG NGUYỄN: Bến Tình Thương	138	NGUYỄN KINH BẮC: Vườn Xưa	91
PHONG THU: Ai Giết Con Tôi	144	NGUYỄN VÔ CÙNG: Đồng Quê	91
NGUYỄN KINH BẮC: Tình Quê Hương...	151	PHAN KHÂM: Nơi Đó	91
		NGUYỄN T. N. DUNG: Làng xưa	91
		THIÊN ĐỨC: Hương Trời	98
		HOÀNG SONG LIÊM: Tình Xưa	98
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Mùa Hạ Đi Đâu	98
		ĐT MINH GIANG: Tình Muộn	103
		DUY AN ĐÔNG: Thương Phế Binh	103
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Phong Nha	103
		XUÂN BÍCH: Giọt Lệ Xanh	109
		VI KHUÊ: Đạo	116
		CHỦ TAM ANH: Tao	116

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:	127
Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu	
LÃO MÃ SƠN: Sài Gòn Nổi Nhớ	168
HÀ BÌNH TRUNG: Tomorrow	180
NGÔ TĂNG GIAO: Ngày Mai	180
KHÁNH VÂN: Tuổi Nào Cho Anh	181

When Comes a time for me	
LARRY BOGOSLAW Ph.D:	181
When Comes Our Time?	

TRANH ẢNH

TRẦN T. HƯƠNG CAU: Phượng Hoàng	01
TRẦN T. HƯƠNG CAU: Đàn Bà	113
TRƯƠNG ANH THUY: Vườn Hoa	210
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Đong Đưa	210

NHẠC

HUY LÃM: Xin Cho Tôi	142
THANH TRANG: Chiều Muộn	162
NGUYỄN VĂN ĐÔNG: Bông Hồng	170

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Phát Hành Cỏ Thơm 58	193
PHÂN ƯU Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung	196
THÔNG BÁO Sinh Hoạt Văn Học Và Âm Nhạc	189
Hình Ảnh Kỷ Niệm với Văn Thi Sĩ HBT	200

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
Danh Sách Mạnh Thường Quân	04
Washington Music Eden Center	36
SOVEREIGN REALTY, INC.	73
Phòng Mạch BÁC SĨ VÕ ĐẠM	73
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	90
Phòng Mạch BS NGUYỄN T. KIM DUNG	109
HỒ CÔNG TÂM: Một Thời Lưu Vong	141
HỒ HƯƠNG LỘC: Một Thoáng Quê Hương	150
VĨNH LIÊM: Còn Vương Tơ Lòng	150
HARVEST MOON RESTAURANT	207
Phiếu Mua Báo	208
Văn Phòng L.S. IVAN M. WALDMAN	209

LÁ THƯ MÙA HÈ

Mùa xuân vừa qua đã để lại một cái tang lớn cho giới văn học và làng báo người Việt vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn nói riêng và hải ngoại nói chung. Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung đã từ trần ngày 24 tháng 4 vừa qua, hưởng thọ 91 tuổi. Cố Thi Sĩ đã để lại một gia tài thơ văn đồ sộ và niềm thương tiếc sâu đậm cho con cháu và giới văn thi hữu. Tam Cá Nguyệt San có PHÂN ƯU trang 196 và nhiều hình ảnh kỷ niệm với Ông Hà Bình Trung trang 200. Ngô Tăng Giao, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Trương Anh Thuy có bài tưởng niệm với người quá cố trang 13, 197, 199.

Một cái tang nữa trong giới thi ca kịch nghệ là Nghệ Sĩ Quang Minh cũng theo gót Thi Sĩ Hà Bình Trung về Miền Cực Lạc ngày 25 tháng 4. Ca kịch sĩ Quang Minh có giọng ngâm thơ ngọt ngào, truyền cảm, nổi tiếng từ thuở Tao Đàn trước 1975 tại Sài Gòn.

Trong mùa xuân qua, bù lại chúng ta cũng có những tin vui văn học tại Virginia. Hai tác giả Lê Thị Hàn và Lê Tạ Bích Đào cho ra mắt quyển sách “*Thong Dong Tuổi Vàng*” viết về những kinh nghiệm trong lãnh vực dinh dưỡng, xã hội, kinh tế, tài chánh và ngân hàng cho những ai bước vào tuổi về hưu ở Hoa Kỳ.

Biên Khảo Gia Nguyễn Ngọc Bích cho ra mắt, tại biệt thự Nhà Văn Nguyễn Thị Thanh Bình, tập “*Lưu Hương Ký*” phiên âm, chú thích rất công phu về tập thơ cổ của Nữ Sĩ Hồ Xuân Hương chưa bao giờ được phổ biến hoàn hảo trước đây. Xin quý vị xem tường thuật trang 190.

Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật đã có buổi giới thiệu, tại phòng họp NOVA, Tủ Sách Tiếng Quê Hương của Nhà Văn Uyên Thao và tác phẩm “Nhân Văn Giai Phẩm và Vấn Đề Nguyễn Ái Quốc” của Nhà Văn Thụy Khuê từ bên Pháp sang.

Và mùa hè này, ngày 8 tháng 7, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm với sự bảo trợ của Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật sẽ tổ chức một buổi Sinh Hoạt Văn Học và Âm Nhạc giới thiệu Giáo Sư Nguyễn Hưng Quốc và Giáo Sư Hoàng Ngọc Tuấn đến từ Úc. Xin quý vị xem chi tiết trong Thư Mời trang 189 và tham dự đông đảo để chào mừng hai vị đồng hương đến từ xứ xa xôi Nam Cực ra mắt chúng ta tại vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Vâng thưa quý vị, chúng ta đang ở trong mùa hè, mùa của ve sầu kêu râm ran trong các hàng cây rậm rạp, mùa có hoa phượng tím, đỏ, hoa sen trắng, hồng, hoa tường vi hồng, tím, hoa hoàng anh, dâm bụt đỏ, vàng, tím... Chúng ta được ăn nhãn, vải, mãng cầu, mít, ổi ... từ các tiểu bang có nhiều nắng như California, Florida, Texas... để tưởng tượng như đang ở quê nhà. Mùa mà chúng ta được mặc áo cánh mỏng manh, quần soọc ngắn, đi dép nhẹ nhàng, mặc áo tắm nhảy xuống hồ bơi ngoài trời hay đi tắm biển bát ngát trong xanh tuyệt vời...

Cỏ Thơm cũng rất hợp thời trang với hình bìà trước là bức tranh “Phượng Hoàng” màu sắc nóng cháy của Văn Thi Họa sĩ Trần Thị Hương Cau từ Đức Quốc gửi cho chúng tôi. Bìa sau là ảnh bướm “Vườn Hoa” của Nhà văn Trương Anh Thụy đã được giải huy chương vàng “Judge Choice” của “Hội Nhiếp Ảnh VN Vùng Hoa Thịnh Đốn”. Một hình nữa ở bìa sau của Nhiếp ảnh gia tài tử Nguyễn Quốc Khải, với tiêu đề “Đong Đưa”, màu sắc nhẹ nhàng, kín đáo nhưng người ta lại chột nghĩ đến bài thơ “Đánh Đu” của Bà Hồ Xuân Hương. Mời quý vị thưởng lãm.

Ngoài ra, như thường lệ Cỏ Thơm vẫn phong phú với các đề tài đủ thể loại: biên khảo, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, thơ mới, thơ cổ điển, thơ Anh, Pháp ngữ, nhạc bản... của các tác giả từ Đông Tây Nam Bắc Hoa Kỳ sang tới Canada, Thụy Sĩ, Pháp, Đức...

Vẫn biết tình trạng internet, website... bành trướng đã làm môi trường báo chí thuyên giảm, nhiều toà báo, tiệm sách đóng cửa... Nhưng vẫn có độc giả chỉ thích đọc sách, thích giữ sách quý trong tủ sách. Ngành viết lách, tranh, ảnh vẫn cần giấy, bút mực và màu cho tác phẩm của mình, vẫn phải có tác phẩm bày bán tại tiệm sách, phải có tranh, ảnh trưng bày tại phòng triển lãm, những bản nhạc phải được in vào CD hay DVD và trình bày cả trên sân khấu mới là những bằng chứng đáng kể ghi vào tiểu sử tác giả. Chúng tôi còn làm báo vì chúng tôi còn khả năng để tiếp tay với các tác giả cũng còn khả năng sáng tác, còn muốn phục vụ độc giả yêu văn học trên sách vở, báo chí, và muốn phục vụ lý tưởng của mình.

Kính chúc quý độc giả một mùa hè thoải mái, có nhiều thời giờ nghỉ ngơi, có nhiều sách quý để đọc với thân tâm an lạc và có cùng một hy vọng trường tồn cho nên văn học hải ngoại. Hẹn tái ngộ cùng quý vị tác giả và độc giả ở số báo mùa thu.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Đọc lại một bài Ca dao Việt và một bài thơ Đường

Tình Yêu và Lòng Chung Thủy Trong Bài “Nụ Tầm Xuân” Và “Tiết Phụ Ngâm”

Phạm Trọng Lệ

A. Ca dao Việt Nam: A Vietnamese Folk-Poem

Nụ Tầm-Xuân

Trèo lên cây bưởi hái hoa.

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm-xuân.

Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,

Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!

--Ba đồng một mớ trâu cày,

Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng,

Như chim vào lồng, như cá cắn câu,

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ?

Chim vào lồng biết thuở nào ra?

(Vietnamese folk poem-Anonymous-Undated)
Dương Quảng Hàm, VIỆT NAM THI VĂN
HỢP TUYỂN

(Saigon: Trung Tâm Học Liệu, in lần thứ 9,
1968, tr. 10, tựa bài là “Tiếc sự biết nhau
quá chậm.”)

The Eglantines

I climb on the grapefruit tree to pick the flowers.
I step down the garden of egg-plants to pick
the eglantines.

The eglantines are blooming in deep sky-
blue color,

You already have a husband, I am so much sorry!

--For three copper coins, a bundle of bitter
betel leaves,

Why didn't you ask for me when I was single?

Now I already have a husband,

Like a bird in the cage, a fish at the bait.

Once the fish is hooked, how can it get
unhooked?

When can a caged bird ever be set free?

(Translated by PTL)

Ghi Chú: G.s. Nguyễn Ngọc Bích cũng
dịch bài này sang tiếng Anh mang tựa
Regret trong A Thousands Years of
Vietnamese Poetry do nhà Alfred A. Knopf
in ở New York, năm 1975, tr. 59.

B. A Tang Poem on Similar Theme Tiết Phụ Ngâm by Trương Tịch—Zhang Ji (766-830)

Phần Hán Việt

Quân tri thiếp hữu phu,

Tặng thiếp song minh châu.

Cảm quân triền miên ý,

Hệ tại hồng la nhu.

Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,

Lương nhân chấp kích Minh-Quang lý,

Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,

Sự phu thế nghĩ đồng sinh tử.

Hoàn quân minh châu song lệ thủy,

Hận bất tương phùng vị giá thì.

Trương Tịch

TIẾT PHỤ NGÂM

節婦吟

君知妾有夫，
贈妾雙明珠。
感君纏綿意，
繫在紅羅襦。
妾家高樓連苑起，
良人執戟明光裡。
知君用心如日月，
事夫誓擬同生死。
還君明珠雙淚垂，
恨不相逢未嫁時。

Nghĩa :

Khúc ngâm của người thiếu phụ có tiết hạnh
Chàng biết thiếp đã có chồng, mà còn tặng
thiếp hai hạt minh châu.

Cảm động vì tình quyến luyến của chàng,
thiếp đeo minh châu trong áo lụa hồng.

Nhà thiếp có lầu cao kế bên vườn ngự,
Chồng thiếp làm chấp-kích-lang trong điện
Minh-Quang.

Biết chàng có ý định trong sáng như mặt
trời, mặt trăng,

Nhưng trong phận sự đối với chồng, thiếp
đã thề cùng chồng sống chết có nhau.

Trả minh châu lại chàng, hai hàng lệ chảy.

Hận rằng đã không gặp nhau, lúc thiếp còn
chưa lấy chồng.

(Theo Trần Trọng San, chú dẫn bên
dưới, tr. 209)

Nhận xét: chữ **triền miên** (chữ Hán Việt
có nghĩa “quần quít, chằng chịt không thể rời
ra được (Đào Duy Anh, Hán Việt Từ Điển,
trang 491 (entangled); khác với nghĩa triền
miên trong tiếng Việt là tình trạng kéo dài, lu
bù, liên miên, khó chấm dứt (Lê Văn Đức &
Lê Ngọc Trụ, quyển Hạ, trang 1678),
interminable, unending, continuous, unceasing.
Chữ cao lâu=nguyên nghĩa “lầu cao”, bây giờ
tiếng Việt cao lâu=nhà hàng bán cơm Tàu
thường ở trên lầu cao, nhưng cũng có khi ở
tầng dưới đất, Chinese restaurant.

Chú thích về gốc truyện:

Trương Tịch người Tô châu, thi gia đời
Trung Đường, thi đậu tiến sĩ. Trong nước
Trung Hoa bây giờ có nhiều phiên trấn, mỗi
tiết độ sứ chiếm một nơi. Bây giờ Trương
Tịch làm việc tại mạc phủ của một viên
soái thuộc phe thuận (ủng hộ nhà vua).

Viên soái đất Vận là Lý Sư Cổ (Lý Sư Đạo) là một Tiết độ sứ thuộc về nghịch đảng (chống lại trung ương), ân cần viết thư đem lễ vật đến đón Trương về giúp mình. Trương không dám từ chối ngay, sau đó phải giả cách hoàn lại lễ vật và làm bài Tiết phụ ngâm (Trần Trọng San, trang 210).

Theo Nguyễn Tử Quang (chú thích bên dưới) thì bài ca dao Nụ tâm xuân tương truyền do Đào Duy Từ làm ra. Lúc đó ông giúp cho chúa Nguyễn ở miền Nam. Đào Duy Từ mượn lời cô gái có chồng khéo léo khước từ người yêu bài thơ này để từ chối lời mời giúp của chúa Trịnh Tráng. (Theo Nguyễn Tử Quang, **điển hay tích lạ** trong mạng <http://vnthuquan.net>).

-Tại địa chỉ mạng Hoa Sơn Trang (<http://www.hoasontrang.us/tangpoems/duongthi.php?loi-92>)

Có đăng thêm 6 bản dịch bài Tiết phụ ngâm sang thơ Việt, ngoài bản dịch của Ngô Tất Tố in năm 1940, trong đó có bản dịch của Song Nguyễn Hàn Tú:

*Biết rằng ván đã đóng thuyền
Hỏi người tặng ngọc ước duyên làm gì.
Dù sao người đã thôi thì,
Áo hồng đeo ngọc...xin ghi tình chàng.
Lầu cao vườn ngự ngó ngang
Bên người lính điện Minh Quang xây tình.
Biết chàng mỹ ý quang minh
Nhưng lòng đã nguyện tuyệt trinh cùng chồng.
Ngọc trao lại lệ đôi dòng
Tiếc không gặp lúc má hồng trinh nguyên.*

Nhận xét:

Qua bài ca dao Nụ Tâm Xuân, người đọc thấy người thiếu phụ trong bài ca dao Việt có ý trách móc: Nàng bảo người thanh niên đã không biết đi hỏi sớm. Cũng ngầm than cho số phận « cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy » của xã hội Việt xưa, nên có khi lấy phải

người phối ngẫu mình không ưng ý thì « như chim vào lồng, như cá cắn câu ». Nhưng vẫn chịu đựng hy sinh vì nghĩa vụ làm vợ, làm mẹ. Trong bài Tiết phụ ngâm, người thiếu nữ Trung Hoa được người yêu cũ tặng hai viên ngọc quý, nay nàng có chồng cũng có địa vị (lính cầm kích trong đền Minh Quang của nhà vua), giữ đôi ngọc quý trong áo lót mình màu sen hồng, nhưng sau khi suy nghĩ, trả lại ngọc mà khóc.

Giáo sư Nghiêm Toàn khi so sánh hai bài thơ này có nhận xét là bài ca dao Việt còn **bóng bẩy** hơn bài thơ Đường của Trương Tích.

«Hãy cứ suy: trong bài ca dao của ta dùng **lối đối thoại** giữa đôi bạn cũ, vừa linh động, lại ngầm chứa xiết bao ân hận ‘sự đã lỡ rồi’; hướng chi đứng về phương diện danh giáo, một bên thiếu phụ Trung Hoa nhận ngọc đeo vào áo lót mình, về sau nghĩ ra mới khóc vừa trả lại người yêu; một bên thiếu phụ Việt-Nam đành an-phận cá chậu, chim lồng, không có mây may ả ý tà dâm, thực là lời nói ý nhị, đường hoàng, đủ thấy mấy câu ca dao ta chưa hẳn kém thơ Trương Tích.» (Nghiêm Toàn, VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ TRÍCH YÊU (1949) (Sống Mới in lại tại Westminster, CA, Hoa Kỳ, không đề năm, tr. 26).

C. Các bản dịch sang thơ Việt.

-Bản dịch 1:

*Tiết phụ ngâm
Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kê bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh-Quang.*

*Như gương, vầng biết lòng chàng,
Thờ chồng quyết chẳng phụ phàng thề xưa.
Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.*

Ngô Tất Tố dịch (1940)
(in lại trong Trần Trọng San, THƠ
ĐUỜNG, Scarborough, Ont., Canada: Bắc
Đầu in lần thứ năm, 1993, tr. 211)

-Bản dịch 2:

*Lời hát người tiết phụ
Chàng hay thiếp có chồng rồi,
Còn đem cho thiếp một đôi ngọc lành.
Cầm lòng quyến-luyến không đành,
Thiếp đeo vào áo lót mình màu sen.
Vườn kia nhà thiếp kê bên,
Lang quân chấp kích trong đèn Minh-quang.
Biết chàng bụng sáng như gương,
Thờ chồng thề quyết đá vàng chẳng sai.
Gạt châu, trả ngọc chàng thôi,
Tiếc không gặp gỡ đương thời còn son.*

Trần Trọng Kim dịch
(Trong ĐUỜNG THI (Saigon: Tân Việt, 1950,
1974, Đại Nam in lại, không đề năm, tr. 120.)

Nhân xét: Bản dịch của Trần Trọng Kim
(làm năm 1945) khi ngài ở Chiêu Nam
(Singapore), nhà Tân Việt in năm 1974, có
ít nhất 8 điểm tương đồng với bản của Ngô
Tất Tố in năm 1940.

-Bản dịch 3:

*Tiết phụ ngâm
Thiếp có chồng, chàng đà hay biết,
Đôi minh châu tha-thiết còn trao.
Nghĩ tình vương-vấn khít-khao,
Ngọc này thiếp buộc áo đào thắm tươi.*

*Nhà thiếp ở lầu ngoài ngự uyển,
Chồng thiếp làm linh điện Minh-Quang.
Biết chàng lòng sáng như trăng,
Thờ chồng, thiếp nguyện đá vàng thủy chung.
Trả minh châu, lệ đôi dòng,
Hận không lúc thiếp chưa chồng gặp nhau.
Trần Trọng San dịch
Trong THƠ ĐUỜNG (sách đã dẫn, tr. 210).*

-Bản dịch 4:

*Bài Ca của người tiết phụ.
Anh nghe em đã sang ngang
Gởi em đôi ngọc sang choang làm quà.
Cảm anh ý hướng đậm đà,
Đeo trong yếm thắm tình ta ban đầu.
Nhà em vườn ngự bên lầu
Chồng em cảm kích theo hầu đèn Quang.
Biết anh lòng dạ miên man
Như vầng trăng sáng ánh vàng nhớ nhung
Thờ chồng em giữ thủy chung
Thề đồng sinh tử đến cùng mới thôi
Trả anh đôi ngọc sáng ngời
Hai dòng lệ nhỏ ghen lời bán khoán.
Giận đời nhiều nỗi cách ngăn
Sao không gặp gỡ từ phen chưa chồng.*

Trương Xuân Phạm Liễu dịch
(Trong ĐUỜNG THI (in lần đầu tại Sài-
Gòn, 1971, Sống mới in lại tại Hoa Kỳ,
không đề năm.))

-Bản dịch 5:

*Chàng hay thiếp đã có chồng,
Tặng đôi ngọc quý với lòng mến yêu.
Cảm thương ý tốt, lòng nhiều,
Thiếp đeo trong áo hồng điều lót thân.
Nhà em trên mấy vườn liền,
Chồng em cận-vệ Ngự tiền Minh-Quang
Trắng trong em biết ý chàng,*

*Thờ chồng em phải giữ lòng tiết trinh.
Trả ngọc chàng lệ dứt tình!...
Giận sao chẳng gặp khi mình còn son!...*

Chi đền Hoàng Duy Từ dịch
ĐUỜNG THI TUYỀN DỊCH I (Huntington
Beach, CA: Hoàng Tuấn Lộc xuất bản, 1984.)

-Bản dịch 6:

*Bài hát người đàn bà trinh tiết
Chàng hay em có chồng,
Vẫn cho đôi ngọc trong,
Em cảm chàng lưu luyến,
Buộc trong yếm lụa hồng.
Nhà em lâu gác kê vườn ngự,
Chồng ở cung vua cầm giáo giữ.
Biết lòng chàng tỏ tựa trăng sao,
Thờ chồng em nguyện cùng sinh tử.
Trả chàng đôi ngọc lệ đôi hàng,
Tiếc thừa còn son chẳng gặp chàng!*

Lê Nguyên Lưu dịch
Trong ĐUỜNG THI TUYỀN DỊCH, Tập 1,
(Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1997, tr.
1065-1066).

D. Hai bản dịch sang tiếng Anh

Bản dịch 1:

*Song of a Modest Woman
My lord, you know that I am married and
have a husband
Yet you still give me this pair of crystal pearls.
I am moved by your lingering passion;
I conceal the pearls in my coat of red silk,
There in the high towers adjoining the palace,
My husband holds the gold sword of a
king's guard;*

*I know your heart shines like the sun and moon,
But you know that I have sworn constancy
whether we live or die.*

*I return your crystal pearls, while tears fall
from my eyes,*

Regretting we did not meet when I was unmarried.

Translated by Robert Payne
(THE WHITE PONY: AN ANTHOLOGY OF
CHINESE POETRY. New York: The New
American Library, 1947)

-Bản dịch 2 có vần:

Reply of a Chaste Wife
You know I love my husband best,
Yet two bright pearls are sent to me still.
I hung them in my red silk vest,
So grateful I'm for your good will.
You see my house o'erlooking gardens and
My husband guards the palace, halberd in hand.
I know your heart as noble as the sun and the skies,
But I have sworn to serve my husband all my life.
With your twin pearls I send back two tears from
my eyes,
Would we had met before I was a wife!

Translated by Xu Yuan Zhong
(SONGS OF THE IMMORTALS: AN
ANTHOLOGY OF CLASSICAL CHINESE
POETRY, Penguin Books, 1994, p. 70).

[Một phần bài này đã đọc nhân dịp tháng
Kỷ niệm di sản văn hoá Á châu Asian-
Pacific American Heritage Month tại The
Bureau of National Affairs, Inc.
Washington, D.C., May 1995); sửa lại
Virginia, 11/30/11--PTL]

TƯỞNG NIỆM VĂN THI SĨ HÀ BÌNH TRUNG



Kính thưa toàn thể quý vị,

Đề tưởng niệm đến văn thi sĩ HÀ BÌNH TRUNG tất nhiên là chúng ta phải đề cập tới những tác phẩm của Cụ. Đây là một kho tàng rất đồ sộ. Tất cả gồm 5 tập Truyện dài, 6 tập Truyện ngắn. 12 tập Thơ sáng tác. 3 tập Thơ dịch từ tiếng Anh, Pháp, Hoa sang tiếng Việt và 2 tập thơ sáng tác bằng Anh ngữ.

TRUYỆN dài và truyện ngắn nói chung đều mang một triết lý nhân sinh. Truyện khi thì ghi lại các biến động về chiến tranh, khi thì mô tả tình yêu đôi lứa, gia đình, lúc thì nói về quân đội, quê hương v.v... Truyện cũng bàn về luân lý và các truyền thống văn hóa cao đẹp của thời xưa cũ, đôi khi so sánh với cuộc sống tha hương hiện tại. Vì thời gian có hạn nên chúng tôi không thể trình bày chi tiết hơn cho nên chỉ xin nói về thơ.

THƠ của thi sĩ Hà Bình Trung gồm hầu như đủ mọi “thể loại thơ”. Tổng cộng có lẽ cả hơn ngàn bài. Không kể những bài đăng rải rác trên các báo chí và các bài chưa được xuất bản. Người ta thường xưng tụng thi sĩ là “Nhà thơ của tình yêu.” Cũng như buổi tưởng niệm hôm nay được đặt tên là “Yêu mãi ngàn năm”. Có lẽ cũng không sai. Thi sĩ từng viết:

*“Yêu đến bao giờ mới hết yêu?
Ngàn năm? nào đã được bao nhiêu?
Ngàn năm chưa đủ cho dòng máu
Chảy khắp con tim suốt mọi chiều!”...*

Nổi bật là **Tình yêu nam nữ**:

Tình Yêu khởi đầu từ tuổi học trò.
*“Hai mươi, rạo rục khi đi học,
Thấy áo em bay phía cuối đường,
Nán bước chờ em, lòng hờn hờ
Để cùng trao ánh mắt yêu đương”*

Với tâm hồn lãng mạn tình yêu kéo dài tới hồi trai trẻ:

*“Người nằm xa lạ trong mơ
Tỏa thơm mùi tóc vàng tơ gối đầu.
Môi nào tìm lại môi nhau,
Sáng ra tình giấc còn đâu dáng hồng”...*

Tất nhiên sẽ có men rượu, có khói thuốc, có cả lời ca, tiếng nhạc...:

*“Em mời ta chén rượu cay
Để thương nhớ mãi đêm này gặp nhau.
Môi mềm nhấp chén tê đau
Mắt đen trêu nặng ý sâu từ lý.”...*

Có chia ly nơi bến thuyền, ga vắng, phi trường

*“Tàu đi, ga vắng một người,
Mây trôi lãng đãng chân trời nhớ nhung”...*

Có hôn nhân đôi lứa kết thúc cuộc tình đẹp:
*“Ngày mai, anh đón em, em nhé!
Lộng lẫy xe hoa kết pháo hồng”...*

Tình yêu kéo dài cho đến tuổi già:
*“Khi yêu, yêu đến bạc đầu,
Thời gian không hẹn phai màu tóc xanh”...*

Thật ra Thơ của thi sĩ Hà Bình Trung không chỉ giới hạn trong vòng lãng mạng nam nữ thường tình mà còn trải rộng ra nhiều lãnh vực cao cả hơn.

Chúng ta được đọc những lời thơ nói lên **Tình yêu trong gia đình**:

Thi sĩ từng bày tỏ lòng kính yêu với Song Thân mình:

*“Thương cha mẹ đã qua đời
Lại thương ngàn dặm xa vời nước non”...*

Lòng yêu thương Con Cháu:

*“Con mở mắt chào đời. Thương biết mấy!
Ngọc lưu ly màu tinh khiết trắng ngần.
Trán con sáng như khoáng trời nắng dậy
Một màu xanh không gợn chút phù vân”...*

Lòng thương tưởng người Vợ hiền đã xa lìa cõi tục 8 năm trước đó:

*“Tôi, một bóng sống cô đơn
Sáng, chờ đợi ánh bình minh tha thiết
Trưa, chán ngán nắng vàng tăng lửa nhiệt
Chiều lặng buồn, ra tiễn bóng hoàng hôn”...*

Thi sĩ còn bộc lộ **Tình yêu đôi với đồng bào**:

Thương sót đồng bào ruột thịt trong Nạn đói năm 1945 thi sĩ viết:

*“Suối mồ hôi tràn mặt
Mắt sâu trũng niềm đau
Thân khô như bó củi
Nâng đỡ bộ xương đầu”...*

Sót thương nạn nhân Chiến tranh thi sĩ viết:

*“Vợ gánh đôi con dại,
Chồng quấy gạo, nổi niêu,
Bỏ ruộng không, nhà trống,
Như một vùng hoang liêu”...*

Và lời thơ thương cảm đời Nông dân cực khổ:

*“Thương thay số phận dân lành,
Rẻ hơn cỏ rác, ai đành làm ngo?”...*

Đã từng khoác chiến y, thi sĩ bộc lộ **Tình yêu đồng đội** khi viết những lời thơ ai điếu:

*“Thu qua, lá đổ vàng rơi
Anh đi một giấc ngủ vùi ngàn thu!”...
Có hai người bạn ngồi canh xác
Đêm lạnh gai người lúc nửa khuya!”...*

Tất nhiên trong thơ còn có **Tình yêu quý tự do**. Khi viếng tượng Nữ Thần Tự Do thi sĩ viết:

*“Quê ta ngập lửa chiến tranh
Nông thôn nghèo khó, thị thành tham ô.
Xin em một chút tự do,
Gửi thương gửi nhớ về cho quê nhà.”...*

Có ước vọng **Yêu thương hòa bình**:

*“Bao giờ đất nước thanh bình lại,
Chim hót, hoa ngàn nở thắm tươi?
Bao giờ cây lại thu thành trái,
Làng mạc vang vang rộn tiếng cười?”...*

Trần trề tình **Yêu đất nước, quê hương**:

*“Hôm nay trông cảnh xứ người,
Lòng dưng dưng thấy ngậm ngùi nhớ quê,”...
“Quê hương xa cách nghìn trùng
Càng xa càng thấy vô cùng nhớ thương”...*

Để rồi ước mơ quê hương tươi sáng, khắp nơi phô sắc ngọn cờ vàng:

*“Nhớ thuở đầu xanh vượt núi rừng
Lòng trai mơ một giấc mơ chung
Giương mài bóng nguyệt, nghe hôn nước
Vàng ánh cờ bay đẹp núi sông.”...*

Và cũng như các thi sĩ khác ai nấy đều **Yêu thiên nhiên** với phong cảnh hữu tình gợi ý thơ:

*“Sương thu ướt lạnh trăng thanh
Chiến y nặng trĩu màu xanh lá rừng.
Người đi, chân bước ngập ngừng
Núi cao chất ngát lưng chừng sương sa”...*

Nói tóm lại, Thơ của thi sĩ Hà Bình Trung đã không chỉ đề cập tới Tình Yêu nam nữ đơn thuần mà còn phỏ ra những tình cảm da diết chân thành đối với Gia đình, Đồng bào, Đồng đội, đề cao Tự do, ước vọng Hòa bình và lòng yêu Quê hương, Tổ quốc. Lời thơ chau chuốt, điêu luyện. Ý thơ trong sáng. Cụ Hà Bình Trung suốt cả một cuộc đời cầm bút, miệt mài, chân thành, chúng tôi không dám nói Vườn Văn Thơ của Cụ Hà là một cõi Thiên Thai. Nhưng có một điều chắc chắn đó là một nơi đầy kỳ hoa dị thảo và sẽ được đón nhận nồng nhiệt vì đáp ứng đúng nhịp đập con tim của người đọc. Chẳng thế mà thơ của Cụ đã được 16 nhạc sĩ tâm đắc phổ nhạc. Chúng tôi thiết nghĩ nhà văn, nhà thơ Hà Bình Trung phải được dành một chỗ xứng đáng trong Văn Học Sử của nước Việt ta.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Thật là thiếu sót nếu chúng ta không nhắc nhở tới những giòng thơ đầy ắp Đạo Vị của thi sĩ Hà Bình Trung. Thi sĩ đã cảm nhận được rằng sự vật trong vũ trụ đều do nhân duyên tác hợp, không có gì là có tự thể, thường hằng nên cuộc sống con người chỉ là tạm bợ. Thi sĩ viết:

*“Dù bạo chúa một ngày nào cũng chết
Ai trường sinh? Ai bất tử bao giờ?”...*

Trong ánh Đạo vàng rực rỡ giải thoát, thi sĩ chiêm nghiệm ra cái "sắc sắc, không không" của nhà Phật:

*“Con người là của sắc không
Đảo điên giữa chốn bụi hồng chơi vơi”...*
“Đế-cung, vương điện tan tành,

Sắc không còn lại bức thành nằm tro!”...

Trong bài “Kinh Nguyên Cầu” tưởng niệm hiền thê đã khuất núi 8 năm trước đó, thi sĩ viết:

*“Kinh cầu nguyện vang vang từ bốn cõi
Tiền người đi về đất Phật Đại Từ
Tôi lặng lẽ cúi đầu nghe tiếng nói
Những điều hay, lẽ phải của Thiên Sư”...*

Cụ Hà Bình Trung đã quy y Tam Bảo với Pháp Danh Nguyên Chí. Vì lẽ đó để chấm dứt bài tưởng niệm này tôi xin dâng lời Cầu Nguyện cho Phật Tử NGUYỄN CHÍ HÀ BÌNH TRUNG, sau khi đã nhẹ nhàng thanh thản lìa bỏ xác tục trong có một hai ngày, Người lại sẽ thông dong tự tại ra đi vào cõi tịnh, sẽ vãng sinh Tây Phương Cực Lạc Quốc.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật



Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Bài đọc ở Lễ Tưởng Niệm Văn Thi sĩ Hà Bình Trung, April 29, 2012, Virginia, USA

ĐÓA CỎ THƠM

Cao Nguyên

Bóng câu qua cửa sổ. Thời gian thoáng qua, thoáng qua. Tuổi già ngồi đếm từng sat-na và tuổi trẻ đếm bằng những mùa hoa. Có buồn, có vui nhưng mà đẹp. Nếu không đẹp, ai chịu khó ngồi đếm để được dịp chúc nhau còn những bóng câu chưa qua cửa thời gian và mừng thấy mình còn hiện hữu.

Không bi quan và cũng không lạc quan với cách tính trung dung thì tất cả đã vô cùng và đang vô tận trên đường đi về trước, vào sau . Gần hay xa kể chi, miễn còn sức Xuân Thì vẫn đó, trên cả bốn mùa chẳng thiếu hoa khai. Ngay cả mùa Đông nơi vùng Đông Bắc Mỹ, đẹp ơi hoa tuyết trắng tuyết với chờ Xuân đến với Đào hồng rực rỡ .

Cảnh sắc của đất trời và lòng người phối hợp với thời gian tạo chu trình duyên khởi vào chữ nghĩa cho những đóa hoa Cỏ Thơm nở đẹp bốn mùa . Mỗi đóa nghĩa lung linh từng cánh chữ, nhụy hồng tâm vạn ý đẹp vô cùng.

Tôi yêu từng đóa Cỏ Thơm của mỗi mùa. Tùy theo tiết trời nóng lạnh mà màu hoa chuyển đổi thích nghi với mạch đời Đất Nước. Lời ý lung linh dòng hồi tưởng

nguồn xưa, chuyển tải tin yêu vào nụ biếc mùa sau .

Sự nhập đề lung khởi trên đây có làm bạn mỉm cười không đấy? Cầu cho còn những nụ cười trên môi những người bạn Cỏ Thơm. Nhớ có lần tôi nói đùa với chị Ngọc Dung trong lần họp mặt: Nơi nào có Cỏ Thơm là có tôi. May thay, điều nói đùa là sự thật.

Mỗi lần Xuân đến, những người bạn đếm tuổi Cỏ Thơm. Năm 2012, Cỏ Thơm tròn mười bảy tuổi, tuổi của trăng tròn nhất nên niềm tin và hy vọng cũng sáng nhất về một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng .

Trong niềm vui hàn huyên sẽ không thiếu những dòng hồi tưởng vừa buồn, vừa đẹp. Buồn nhớ lúc tiễn bạn cùng thời vào cõi vĩnh hằng như các anh Vương Đức Lệ, Hoàng Trung Dương, Trịnh Hưng... Hoặc nhớ lúc chào tạm biệt anh Đỗ Bình, Lê Mộng Nguyên về lại Paris sau mấy ngày thăm hoa đào nở ở Washington.DC vào mùa Xuân 2008.

Tiễn biệt hay tạm biệt đều lưu lại nét đẹp của ân tình chữ nghĩa và thanh âm của dòng nhạc quê hương thăm tình non nước. Trong dòng hồi tưởng những kỷ niệm buồn mà đẹp, tôi nhớ đã viết lời chào tiễn biệt Hoàng Trung Dương:

*... Bạn cùng thời bỏ ta đi
Về bên kia núi còn gì để vui
biệt ly lời ý ngậm ngùi
áng thư gát bút bồi hồi cổ nhân ...*

Với nhạc sĩ Trịnh Hưng, anh ra đi nhưng chữ nghĩa và âm hưởng nhạc của anh vẫn thông dong lan tỏa trong cõi đi, về. Vẫn **Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm** trên cánh đồng bát ngát quê hương. Vẫn bạn anh gần xa bù ngùi luyến nhớ:

*... đã như mới đó không gì
chỉ còn chữ nghĩa lằm lì
cuộc chơi ra đi,
ở lại đến người
có không, không có
còn khơi chi buồn!...*

Phải, còn khơi chi buồn! Tôi nhủ tôi cứ lằm lì cuộc chơi với chữ nghĩa. Vãi chữ lên trời, chữ rơi xuống đất. Ở đâu có bạn ta, sợ chi ý lời chẳng thắm. Miễn sao mình còn vì Đất, vì Người mà gởi gắm yêu thương.

Bạn đi rồi bạn đến. Tháng 4 năm 2008, anh Đỗ Bình và anh Lê Mộng Nguyên đến thăm, bằng hữu chào đón các anh với sự hân hoan như **Mùa Xuân Vỗ Cánh**. Khi chào tạm biệt hai anh trở về Paris, tôi buông lời trách nhẹ:

*... sao không về tháng Giêng
sao không về tháng Chạp
mà về giữa tháng Tư
tháng nọ cười se thắt ...*

Bạn biết rồi, trong cảnh đẹp hoa đào đang rộn nở, cũng là lúc dòng hồi tưởng hiện lên tháng Tư buồn:

*... nỗi buồn như sóng chao
xô mạn thuyền thuở nọ*

*thuở mình đi ngược gió
Quê Hương ở đằng sau!*

Ôi quê hương! Sau 37 mùa Xuân, mỗi tháng Tư về lòng người viễn xứ vẫn buồn.

Buồn bởi **Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi**, dòng nước mưa như dòng nước mắt rơi xuống Sài Gòn thân yêu của những người dân Việt đã có một thời để yêu rồi đành đoạn nhận chịu một thời để chết bởi những đòn thù.

Trong nỗi buồn dằng dặc của tháng Tư, tôi lại ước mong phải chi có một lực

*lượng từ triệu triệu con tim đập theo lẽ phải, đập theo hướng tới của mặt trời và của tuổi trẻ khởi sóng triều dâng làm nên một **Chuyển Mùa**, xóa sạch tai ương cho quê hương giàu đẹp.*

Từ nỗi khát khao sự chuyển mùa, tôi thêm viết một tình khúc sơn hà để cảm ơn những tấm lòng chữ nghĩa vì quê hương, vì dân tộc mà dẫn thân vào cuộc phục hưng nền nhân bản Việt Nam.

Hy vọng lại vươn lên theo nắng Xuân về trên những Đóa Cỏ Thơm.

Maryland, Xuân 2012

Cao Nguyễn

Ghi Chú:

Dòng in đậm là tác phẩm:

Tôi Yêu – Lúa Mùa Duyên Thắm/Nhạc Sĩ Trịnh Hưng
Mùa Xuân Vỗ Cánh / Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên
Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi / Nhà Văn Phong Thu
Chuyển Mùa / Nhà Văn Trương Anh Thụy

HÙNG SỬ CA

Đinh Tiên Hoàng

(968-980)

Lê Đại Hành

(980-1009)

Đẹp loạn sứ quân gom một mối
Mười hai lãn chúa sớm qui hàng
Đinh Tiên Hoàng Đế công san định,
Vạn Thắng Đại Vương nghiệp chính trang
Quân lữ phân chia mười đại đạo
Nhân tâm qui phục một tiên hoàng!
Lê Hoàn thập đạo quân binh tướng
Dựng nghiệp Tiền Lê khá vẻ vang.

HỒ CÔNG TÂM

+++

Lý Thường Kiệt

(1036-1105)

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”!

...

Bảo quốc an dân công đại định
Bình Chiêm phá Tống... lịnh ban sư!
Tuyên ngôn độc lập An Nam Quốc
Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ!

HỒ CÔNG TÂM

Hưng Đạo Vương

Trần Quốc Tuấn

(1226-1300)

Hai phen đại phá giặc Nhà Nguyên
Xã tắc giang sơn giữ vẹn tuyền
Tướng sĩ thân thương tình phụ tử,
Quan quân khắng khít nghĩa gia tiên.
“Bình Thư Yếu Lược” từng ôn luyện,
“Hịch Tướng Sĩ Văn” kíp phổ truyền!
Quên mối thù nhà, lo nợ nước
Đại vương Nhân Trí Dũng trung kiên!

HỒ CÔNG TÂM

+++

Thượng Tướng

Trần Quang Khải

(1241-1294)

Chương Dương đoạt giáo quân Mông Cổ
Hàm Tử phục binh bắt giặc thù
Kinh Bắc ruổi giong tình vạn dặm,
Thăng Long thâm lại nghĩa nghìn thu
Đuổi phăng Ô-Mã tàn binh lửa,
Bắn hạ Toa-Đô tắt hỏa mù
Thượng tướng khao quân mừng chiến thắng
Ngâm thơ đuổi giặc rộn biên khu.

HỒ CÔNG TÂM

BÊN DÒNG KỶ NIỆM

Đỗ Bình

CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ

Phần 1

Paris thủ đô ánh sáng, cái nôi nhân quyền và là một trong những kho tàng văn hóa của nhân loại. Lên Monmartre nơi cao nhất Paris có đền Thánh Tâm uy nghi làm bằng đá quý trắng toát sừng sững trên ngọn đồi. Đi vòng xuống lưng chừng đồi là cảnh giới riêng của khu họa sĩ, họ đang thả hồn theo những mảng sắc màu. Phố Paris gồm nhiều con đường dọc ngang uốn khúc chằng chịt, xe cộ tấp nập, khách qua lại đông nghịt dọc theo vỉa hè. Hai bên đường san sát những nhà hàng cửa hiệu quán cà phê rạp cinê được trang hoàng đầy ánh đèn màu rực rỡ. Pars thiết kế theo lối kiến trúc cổ, nhà cửa, thành quách, lâu đài, thánh đường và cây xanh tạo cho Paris thêm thơ mộng như một bức tranh ấn tượng. Những cái hay nét đẹp về Paris sách báo film ảnh âm nhạc hội họa.. vv.. đã nói nhiều nhưng nào hết? Còn những điều dù có nói cũng sẽ chẳng bao giờ dứt, hay cũng chỉ thoáng qua» như giữ cho mình chút kỷ niệm về: Người Paris và Viễn Khách, trong đó có các bạn văn nghệ phương xa đã có lần ghé thăm.

Đã lâu lắm, từ những thế kỷ trước trong số những người Việt có những người là nghệ sĩ họ đã đến Paris trình diễn hoặc thăm Paris nhưng rất thầm lặng, thời gian vô tình trôi xóa dần những dấu cũ mà dấu đó vẫn còn vương đọng! Xin kể lại các bạn một số

những câu chuyện đẹp về những tâm hồn nghệ sĩ mà tôi may mắn gặp gỡ quen biết sau này, hoặc đã quen cũ nay tình cờ gặp lại ở nơi đất khách quê người. Những điều viết ở đây không nhằm mục đích ghi lại từng chân dung và sự nghiệp của mỗi nghệ sĩ nên không thể diễn đạt hết những tính ưu việt của mỗi nghệ sĩ một cách đầy đủ về tài năng, tính chất, nghệ thuật ..vv.. **Đây chỉ là những mẩu chuyện vui dọc đường của một số người làm văn nghệ được đời gọi là nghệ sĩ.** Tôi có cái thú hay vào thư viện đọc sách, nhưng nay nhờ có internet nên cũng bới đi, thỉnh thoảng cùng bằng hữu đi xem những cuộc triển lãm tranh của một số danh họa Pháp. Những điều bất gặp trong tranh làm tôi say mê từ màu sắc, phong cảnh đến những đường nét chấm phá. Tính hiếu kỳ khiến tôi lại muốn tìm hiểu hơn về những con người trong thế giới sắc màu này nên đã liên tưởng đến những người bạn nghệ sĩ, có người là họa sĩ, có người văn sĩ, nhạc sĩ mà tôi đã từng gặp trong đời. Nếu muốn ghi lại vùng ký ức về những khuôn mặt văn nghệ sĩ ấy chắc phải mất nhiều năm; nhưng chắc gì tôi đã nhớ hết và hiểu được những tâm hồn còn đầy bí ẩn của họ! Rất may tôi lại không có tham vọng đó, công việc này dành cho các nhà nghiên cứu, nhà biên khảo về văn học nghệ thuật. Tôi chỉ làm một việc góp nhặt kỷ niệm kết thành bản **Tình Nghệ Sĩ** để thấy lại quãng mộng năm xưa cho năm tháng hoàng hôn đỡ cô quạnh.

Trước năm 1975 ở Sài Gòn tôi quen một số văn nghệ sĩ chỉ nhìn cách sống và sự đam mê nghệ thuật thì tôi đã bội phục, mỗi người mỗi khác, kẻ viết văn, làm thơ, người

soạn nhạc, trong số đó có người đã in ấn được tác phẩm, có kẻ thì không ! Có người viết nhiều ca khúc nhưng chẳng chạy theo thị trường nên chỉ loé lên rồi tắt lịm, hoặc chẳng ai biết ! Và có người tranh bán được nhiều nhưng chưa một lần triển lãm ! **Con đường văn học nghệ thuật mênh mông vô tận, người nghệ sĩ tự mình tìm con đường riêng để đi, và họ đã gặp nhau ở chốn Chân Thiện Mỹ, từ đó mọi sự vật trong cõi đời mới có tên.**

Sau biến cố năm 1975 người Việt ồ ạt bỏ nước ra đi tị nạn CS, những người đến Pháp đã đồng loạt thành lập hàng trăm hội đoàn nhằm mục đích cứu quê hương thoát khỏi ách CS. Chúng tôi là những người tị nạn đến Paris sau và cũng đã thành lập hội Văn Hóa năm 1985 theo luật 1901 do chính phủ Pháp qui định, sau chúng tôi thu hẹp lại thành Câu Lạc Bộ để đáp ứng với nhu cầu sinh hoạt văn học nghệ thuật với mục đích bảo tồn và phát huy văn hóa VN ở hải ngoại, đồng thời thành lập một tủ sách để đáp ứng nhu cầu tinh thần cho cộng đồng. Số lượng người đọc sách ngày càng nhiều do đó chúng tôi đã phát triển cơ sở thành thư viện Cergy, hiện nay trở thành thư viện quốc gia Pháp với đủ thể loại sách gồm sách Việt, Pháp và nhiều sách nước ngoài do tòa thị chính quản lý.

Trong thời gian này vợ chồng nhà văn Duyên Anh thường lui tới thăm một bà bạn cũ cùng quê chị, tôi được mời sang dùng cơm. Trong căn phòng ám cúng đầy khói thuốc và hương rượu, những khuôn mặt hiện diện đa số đều là những người du học trước năm 75. Đây là những người thành đạt, may mắn thoát khỏi chiến tranh nhưng lại thích nói về máu lửa ! Tôi đã trải qua chiến tranh và tù đầy nên rất sợ máu mà chỉ quý tình người. Ở những lần khác tôi được nghe Duyên Anh đàn hát, sau này

anh tặng tôi băng nhạc Ru Đồi Phù Áo, tôi không ngạc nhiên vì Duyên Anh biết âm nhạc trước khi viết văn. Tôi thích những người uống rượu ngâm thơ, hát, thỉnh thoảng kể chuyện đời, do đó trong những tác phẩm của tôi có lẫn men cay và khói thuốc dù tôi không hề hút thuốc, uống rượu, nhưng vẫn thích ngồi chung bàn với những người uống rượu như năm xưa ngồi chung với các chiến hữu. Ở bàn rượu, khi rượu ngà ngà thấm môi, men cay giúp con người lâng lâng như cõi trên, lúc đó ngôn ngữ của họ xuất từ đáy lòng, thần sắc tiêu dao hóa thân thành một nghệ sĩ, nhưng một khi rượu đã quá độ con người sẽ mất sự tự chủ, rơi vào giấc ngủ vô hồn ! Anh Duyên Anh uống rượu để thưởng thức, chùng mực nhưng rất sành các loại rượu, nghe anh kể về rượu mà tôi có cảm tưởng như lạc vào một cõi khác. Anh nhấp ly rượu, ngâm thơ mình, tôi thấy chất nghệ sĩ của anh như những thi sĩ thời xưa trong sách cổ. Anh tặng tôi tập thơ Tù mới in, tập thơ trình bày đẹp, đọc vài bài trong thi tập tôi cảm thấy bùi ngùi, ý thơ sâu sắc, tôi chẳng hỏi anh chuyện tù mà miên man về nét đẹp của thi ca. Thời gian sau lại tặng thi tập Em Tôi Sài Gòn Và Paris. Có lần nhạc sĩ Phạm Duy từ Mỹ qua Paris, anh Duyên Anh gọi tôi cùng anh Mai Trung Ngọc chủ nhà sách Nam Á ra khu Latin uống café nghe Phạm Duy nói chuyện. Ngoại trừ những bạn văn nghệ rù đi uống café, rượu đỏ, thường thì anh Duyên Anh hay đi với chị nhà. Tôi quý Duyên Anh ngoài tài năng văn nghệ còn ở tính nghệ sĩ đầy chất giang hồ, anh nói những điều từ con tim mà người đời chưa quen hay không muốn nghe !. Anh dung nạp cả thiên đường lẫn địa ngục mà trên đời chưa có người nào đặt chân đến.

Năm 1985 là năm Hội Thơ Ba Lê ra đời bắt nguồn từ những vị trong Hội Cao Niên Việt Nam trụ sở là một tòa nhà cao tầng tại

số 14 Bld de Vaugirard, Paris 15è do tòa thị chính Paris cấp. Tôi thường mượn phòng nơi hội cao niên để sinh hoạt văn hóa. Trong một buổi họp các bạn thơ để đặt tên nhóm thơ, nhà thơ Hương Bình tức GS Cao Văn Chiểu đề nghị tên : Ba Lê Thi Xã, nhà thơ Hàm Thạch tức Luật gia Nguyễn Xuân Nhẫn đề nghị : Hội thơ Ba Lê, ông nói : *“Hội Thơ Ba Lê hay Ba Lê Thi Xã gì cũng như nhau, nhưng Ba Lê Thi Xã nghe có vẻ âm hưởng hội thơ thời vua Tự Đức của thi sĩ Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, mà nhà thơ Cao Bá Quát đã có câu thơ chế diễu:*

*“Ngán thay cái mũi vô duyên,
Câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ An! “*

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh liền phát biểu:

“Tôi là cháu của Tùng Thiện Vương đây, còn chị Quỳnh Liên là cháu của Tuy Lý Vương, chúng tôi được mời đến tham dự hội thơ chứ đâu phải là người khởi xướng mà liên quan đến chuyện ngày trước. Dùng danh xưng Ba Lê Thi Xã nghe nó thơ và khiêm tốn, còn dùng Hội Thơ Ba Lê sợ sẽ đụng chạm đến các hội thơ khác. Từ đó nhóm thơ mang tên: Ba Lê Thi Xã, lúc đầu các nhà thơ chỉ đến họp bạn rồi xướng họa Đường Thi mặc dù trong đó chỉ có nhà thơ Đào Trọng Đủ là thực sự theo khuynh hướng Đường Thi nghĩa là ngoài thơ Đường ông không làm một thể loại khác ; những người còn lại đều theo khuynh hướng Thơ Mới, nhưng họ làm thơ Đường rất chỉnh và hay ; nhưng rất ít làm, vì sợ đem ra bình phẩm.

Thuở ấy tôi chỉ dự thính mà không tham gia vào Hội Thơ, mãi đến năm 1990 tôi mới gia nhập Ba Lê Thi Xã, thời gian sau tôi đề nghị mỗi lần họp thơ nên theo một đề tài mà làm thơ Cảm Đề, hoặc đưa ra những bài thơ đặc ý nhất không bó buộc ở thể loại. Với đề nghị đó hội thơ trở nên khởi sắc, họ không

XIN VẮNG LỜI THẦY

Đây rồi Đồng Khánh ngày xưa
Đôi hàng phượng vĩ đang mùa nở hoa
Tóc thầy đã tuyết sương pha
Bốn mươi năm ấy cách xa trường rồi
Trở về trường cũ bồi hồi
Mộng mơ áo trắng một thời là đây
Cột cờ cao ngất trời mây
Sân chơi thuở ấy vẫn đầy tiếng reo
Nơi tập thể dục mỗi chiều
Nghe lời thầy dạy bao điều mến thương
Ba hồi trống giục tan trường
Ngập tràn áo trắng trên đường vui thay
Tương lai đất nước là đây
Chừ ai áo trắng đổi thay bao lần
Nhớ xưa thầy vẫn ân cần
Cầm tay con gạch những vắn đầu tiên
Giờ lo cơm áo gạo tiền
Sống sao cho xứng khỏi phiến lụy ai
Sống sao khỏi phụ ơn thầy
Sống sao đáp được ơn đầy tựa non
Sông dù cạn, đá dẫu mòn
Non cao biển rộng chưa tròn nghĩa ân
Quyên cao chúc trọng... phù vân
Cúi đầu con nguyện xin vầng lời thầy.

KIỀU ANH

(Minnesota)

còn quá thận trọng bị gò bó gượng ép làm những câu vần điệu khung theo quy luật, do đó hội thơ mới mời nhà thơ Hoài Việt tức

tiến sĩ Nguyễn Văn Hường, tác giả 4 thi tập: Tôi yêu 1962, Tình Em Nho Nhỏ 1962, Ngày Mẹ về 1978 và Quê Người in năm 1987, ngoài ra ông còn là người chủ trương tuyển tập Làng Xưa Phố Cũ, ông là người duy nhất làm thơ Tự Do trong hội.

Năm 1986 hội Văn Hóa đã tham dự ngày quốc tế văn hóa Symbiose nhằm giới thiệu văn hóa dân tộc VN với các dân tộc khác sống trên xứ Pháp, sau đó một thành viên của hội là nhà nhiếp ảnh Nguyễn Đăng Trình được mời làm khách danh dự triển lãm tại Đại Hội Nhiếp ảnh Vương Quốc Bỉ ở Charleroi. Năm 1987 vào triển lãm 2 tháng liền trong Musée Francais de la Photographie, Bièvres, do Association Culture Vietnam chủ tịch là Giáo sư Phạm Mậu Quân đỡ đầu, với chủ đề : Khung Trời Việt Nam. Đây là một vinh dự cho những nhà nhiếp ảnh được trình bày tác phẩm của mình, những người được trưng bày đều là những nhà nhiếp ảnh quốc tế, và do quốc gia giới thiệu. Luật sư Nguyễn Đăng Trình là một nhà nhiếp ảnh đam mê, từng đoạt giải nhì quốc tế UNESCO, và nhiều giải nhất về nhiếp ảnh cỡ trung tại Pháp. Khi rời khỏi VN ông mang theo được một số âm bản chụp nhiều cảnh VN trước và sau năm 1975, qua Pháp ông làm ảnh bằng kỹ thuật mới trong phòng tối và phóng lớn. Chúng tôi được viện bảo tàng nhận là vì lúc đó VN hoàn toàn bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, những hình ảnh Nguyễn Đăng Trình mang theo là một không gian VN thu hẹp, nhờ đó đã mở cánh cửa cho chúng tôi đem hình vào viện triển lãm. 1988 chúng tôi được mời sang tận Museum Volkenkude Rotterdam và Museum Groningen Hoà Lan triển lãm 4 tháng liền. Hiện nay Nguyễn Đăng Trình đang định cư ở Montréal, Canada vẫn bấm máy nhưng không còn triển lãm.

Làng văn nghệ Paris rất vui vì được tin nhà văn An Khê một cây bút lão thành trong giới cầm bút trước 75 ở Sài Gòn mới từ Việt Nam qua Pháp định cư vào cuối năm 1988. Nhà văn An Khê tên thật là Nguyễn Bình Thịnh sinh 01.09.1923 tại làng Tân An, tỉnh Sa Đéc ; nhưng trưởng thành ở Rạch Giá Kiên Giang). Ông là một cây bút lâu năm trong nghề, gia nhập vào làng báo VN từ đầu năm 1950 cho đến ngày 30. 04. 1975, với các bút hiệu : Nguyễn Bình Long viết về gián điệp, Trương Thanh Vân viết về trinh thám. Năm 1952 ông vào quân đội và năm 1954 ông bị thương ở đèo An Khê hỏng cánh tay mặt. Từ đó ông lấy bút hiệu An Khê và gõ máy một tay để viết tiểu thuyết Dã Sử VN. Ông viết rất khỏe, viết tiểu thuyết đăng các báo hàng ngày cho các nhật báo ở thủ đô. Năm 1966 ông là chủ nhiệm nhật báo Miền Tây, là tờ báo đầu tiên của vùng. Sau biến cố năm Mậu Thân tờ báo đình bản. Trước năm 1975 ông cộng tác với các tạp chí : Đời Mới, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Tiếng Chuông, Buổi sáng, Công Nhân, Dân Tiến, Văn Hội mới, Tin Sớm, Tia Sáng, Quyết Tiến, Thời Báo, Cấp Tiến, Dân Chúng, Dân Nguyên, Tiến,... Đã viết khoảng 250 quyển tiểu thuyết, và đã in thành sách ở VN được 22 bộ. Ra hải ngoại vì tuổi tác và sức khỏe kém, nhất là cánh tay bị đau nhức nên ông chỉ viết được ít truyện ngắn cộng tác với một số báo ở hải ngoại như : Làng Văn, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Văn Nghệ Tuyền Phong, Viên Giác Ái Hữu và Ngày Mai. Năm 1993 Cơ sở Làng Văn (Canada) có giúp ông hoàn thành tác phẩm cuối đời cuốn hồi ký ngắn : Từ Khám Lớn Đến Côn Đảo. Nhà văn An Khê có người cháu ruột là cựu thiếu tá Lực Lượng Đặc Biệt Nguyễn Bình Quang, anh Quang là bạn chúng tôi : LS Phạm Thanh Vân, nhà Báo

Nguyễn Cao, và tôi, nhưng chúng tôi được nhà văn An Khê nhận làm anh em kết nghĩa, chúng tôi gọi nhà văn An Khê là Anh Hai. Có thể nói nhà văn An Khê là người khởi xướng đầu tiên Phong Trào yếm Trợ Phế Binh VNCH ở hải ngoại? mà chúng tôi là những thành viên rất ít ỏi ban đầu, trong đó có GS Lương Thị Nga, anh chị BS Nguyễn Văn Mậu đã tận tình giúp đỡ. Thuở ấy viết những bài về phế binh kêu gọi tình người rất nhạy cảm, dễ bị ngộ nhận ! Cũng may sự trong sáng và lòng chân thật đã giúp chúng tôi vượt những trở ngại. Ngày ấy tôi được các chiến hữu trao cho trách nhiệm chủ bút một tờ nguyệt san : Vũng Dậy. Anh Nguyễn Quang Hạnh hiện là chủ tịch Hội Bạn Thương Phế Binh VNCH và là chủ nhiệm tờ Nặng Gổ lúc đó đang sinh hoạt chung với tôi. Các anh sợ tôi bỏ thì giờ nhiều vào công việc vận động yếm trợ thương phế binh VNCH mà sao lãng trách vụ tờ báo.

Nhiều lần từ Paris xuống Marseille thấy anh An Khê cặm cụi gõ máy, ngón tay của anh bị chảy máu chúng tôi thấy xót xa ! Hiểu lòng chúng tôi anh nói: *“Xá gì chút máu các chú ơi ! Anh em phế binh bên nhà còn khổ gấp trăm ngàn lần nữa. Chỉ có chúng ta bị thương tật nên mới thông cảm được những mất mát của anh em.”* Vì được chúng tôi kiến tâm lòng của nhà văn An Khê, và câu châm ngôn “Lá lành đùm lá rách” được chúng tôi thêm vào: “ Lá rách đùm lá nát”, chúng tôi thêm vào để tự an ủi mình trên con đường làm việc nghĩa. Những bài viết của chúng tôi đã động lòng người, đồng bào ở Pháp đã hưởng ứng. Các chiến hữu Nguyễn Quang Hạnh vì quá thận trọng sợ bị chụp mũ, từ việc ngăn cản tôi, chuyển sang nhận trách nhiệm hội Bạn Của Phế Binh VNCH từ đó cho đến hôm nay đã hai mươi năm. Anh Nguyễn Quang Hạnh, Nguyễn

Đức Tăng, BS Nguyễn Bá Linh.... đã làm công việc chia sẻ Tình Thương của những người có một thời là lính. Vì việc nghĩa nên được sự hưởng ứng của các đồng hương, trong đó phải kể BS Phan Minh Hiền và GS Nguyễn Văn Huy những người chưa một lần mặc áo lính nhưng thương những người đã vì tự do và quê hương mà mất đi phần thân thể. Hai người này đã viết một cuốn sách nói về sự khốn cùng của người phế binh VNCH còn lại trong nước, cuốn sách gây động lòng người làm rơi bao nước mắt. Có lần chúng tôi : Nhà văn An Khê , LS Phạm Thanh Dân, GS Lương Thị Nga và tôi đi vận động ở các tỉnh miền Nam nước Pháp, trên đường trở về nhà anh An Khê lúc gần sáng, chị Lương Thị Nga vì lái xe đường xa đưa chúng tôi đi nhiều ngày nên quá mệt mỏi, lúc về xuyết nữa xe rơi xuống đèo ! Tờ báo Nặng Gổ hiện nay ở Paris là một bài thơ của tôi lấy làm tựa báo. Khi phong trào phế binh ở hải ngoại được mọi người chiếu cố; tôi tự ý rút lui, và cũng rời khỏi tờ nguyệt san Vũng Dậy để dốc tâm vào văn hóa. Vào thu năm 1994 nhà văn An Khê từ già cõi đời, ít lâu sau GS Lương Thị Nga cũng về miền vĩnh hằng.

Năm 1989 Một năm thay đổi diện mạo thế giới về mặt chính trị, bức tường Berlin sụp đổ, Liên Bang Xô Viết tan rã và chủ nghĩa Cộng Sản cáo chúng. Sinh hoạt văn nghệ Paris vẫn rầm rộ, đặc biệt vào ngày 18.11.1989 chúng tôi tổ chức họp bạn văn nghệ tại nhà hàng Hoàng Gia để chào đón thi sĩ Du Tử Lê từ Hoa kỳ sang Paris ra mắt tác phẩm mới : Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiêu, tôi đã giới thiệu và diễn ngâm một số bài thơ tiêu biểu của anh. Tôi có duyên văn nghệ với người nghệ sĩ đa tài này, cứ mỗi lần anh sang Paris tôi lại được dịp ngâm thơ của anh cho công chúng yêu

thơ qua những thi tập : Đi Vội Về Một Như Nhau, Chỉ Như Mặt Khác Tấm Soi Gương. Bằng đi nhiều năm, lần thi sĩ Du Tử Lê trở lại Paris cùng nhạc sĩ Từ Công Phụng, Vũ Thành An là đóa hoa muôn sắc, một món quà tinh thần độc đáo văn nghệ dành cho giới thường ngoạn Paris. Viết về Du Tử Lê, Từ Công Phụng và Vũ Thành An phải tốn nhiều giấy mực, và nhiều người đã viết, riêng tôi : Họ là những người trời sinh ra để làm nghệ sĩ tạo thêm cái đẹp cho đời.

Mùa thu năm 1990 chúng tôi có tổ chức một buổi tưởng niệm 50 năm ngày mất của thi sĩ Hàn Mạc Tử. Thuở ấy sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt ở Paris thật là khởi sắc, chỗ này ra mắt sách, chỗ kia ca nhạc, thỉnh thoảng có triển lãm tranh ảnh, chỗ nào cũng đông đủ những khuôn mặt trong giới văn nghệ thật là vui. Nói đến ra mắt sách phải nói đến nhà văn, nhà báo Từ Nguyên bút hiệu của GS Trần Văn Ngô, một chuyên viên tổ chức, ông là tác giả những cuốn: Cơ Sở truyền Thông VNCH 1968, Săn Tin, Viết Tin, Sài Gòn 1974, (1988), Bộ tiểu thuyết: Bé Kim, Ngàn Khơi (1993)... Ông rất hăng say trong những sinh hoạt văn học gìn giữ văn hóa VN ở Hải Ngoại, tích cực trong Trung Tâm Văn Bút VN tại Paris và Âu Châu.

Trở lại sinh hoạt buổi tưởng niệm thi sĩ Hàn Mạc Tử, hôm đó, ngoài phần đọc những bài thơ chọn lọc trong thi tập : Lệ Thanh, Gái Quê, Đau Thương của Hàn Mạc Tử, các văn nhân thi sĩ còn bàn đến những nét hay đẹp trong thơ, cuộc tranh luận tuy không sôi nổi nhưng rất hào hứng. Nữ sĩ Minh Châu, Gs Thái Hạc Oanh cho rằng trong thơ Hàn Mạc Tử có nhiều bài siêu thực, nhất là giai đoạn ông bị bệnh :

*«Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô.*

*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy diên cuồng mưa máu ra »*

(Say Trăng)

Nhà thơ Song Thái Phạm Công Huyền lại bảo thơ Hàn Mạc Tử nặng chất tình dục :

*«Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi*

Hoa lá ngậy tình không muốn động

Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.....

.. Ô kìa ! bóng nguyệt trần truồng tắm

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe ...»

(Bẽn Lẽn)

Nói đến nhà thơ Song Thái, nhà cựu ngoại giao VNCH, tác giả nhiều tập thơ và nhiều bài biên khảo, luận thơ trên báo. Ông là người mệnh danh làm thơ lục bát nhanh, nhưng ít bài độc đáo. Có lần ông nói chuyện trong một buổi sinh hoạt văn hóa về đề tài : Những Phong Tục Tập Quán Việt Nam, thời gian ấn định dành cho mỗi diễn giả 25 phút, bài nói chuyện của nhà thơ Song Thái kéo dài hơn một giờ, khán giả thấy vậy đồng loạt vỗ tay để cho ông ngưng nói, nhưng ông lại nghĩ rằng mọi người thích nghe ông nói nên ông đã cảm ơn và tiếp tục nói đến hết bài ! Nhờ nổi tiếng, ông được nhà báo Bát Vân tức nhạc sĩ Lê Minh Hải ái mộ. Ông Lê Minh Hải qua Pháp vào thập niên 60, là chủ một nguyệt San Tân Dân Xã ở Paris phát hành khắp Âu Châu và Mỹ. Ông rất ngưỡng mộ nữ sĩ Vân Nương và phu quân của bà là Cố luật sư Lê Ngọc Chấn, có thời làm Đại sứ VNCH ở Anh Quốc, nên ông đã tự đặt tên : “Tao Đàn Hải Ngoại ” rồi đưa lên trang báo và phong chức cho chúng tôi: nhà thơ Song Thái là chủ tịch, nữ sĩ Vân Nương Lê Ngọc Chấn là Phó, còn tôi là tổng thư ký. Nói qua về nữ sĩ Vân Nương, tác giả nhiều tập thơ, có những bài nổi tiếng, trong đó có thi tập Mây Viễn Phố viết sau này. Nữ sĩ Vân Nương là nhà

thơ nữ duy nhất ở Pháp có chân trong các hội thơ danh tiếng của Việt Nam từ đầu thập niên 60 thế kỷ trước. Thơ của tôi được bà cảm nên đã chuyển vài bài qua Pháp ngữ và còn làm tặng một ít bài thơ. Nhận được báo của Bát Vân Lê Minh Hải tôi đọc mà rung mình, sợ bằng hữu hiểu lầm, tôi vộiophon ngay đến nhà báo Bát Vân đề hỏi nhưng ông không có nhà ! Hôm sau, nữ sĩ Vân Nương ở dưới tỉnh Dordogne miền nam nước Pháp gọi lên Paris, bà đọc báo của Lê Minh Hải tưởng tôi đã nhận lời tham gia nên gọi phon hỏi về chuyện Tao Đàn Hải Ngoại, sau khi hiểu câu chuyện bà quyết liệt đòi tờ báo cải chính, bà còn viết thư cho tôi nhờ nói giúp bỏ tên nữ sĩ ra. Sau khi liên lạc được với nhà báo Lê Minh Hải, tôi yêu cầu ông cải chính. Nhà báo Lê Minh Hải vui vẻ nói : *“Điều đó chỉ là do ý tốt của tôi muốn những nhà thơ khắp nơi đứng chung với nhau để thành vườn thơ.”*Sau đó ông đã dẹp bỏ ngay cái *“Tao Đàn”* đó vào bóng tối. Ít lâu sau thì ông qua đời mang theo nhiều tâm huyết và hoài bão ! Nhà thơ Song Thái hiện nay đã gần trăm tuổi nhưng vẫn thuộc nhiều thơ.

Trở lại buổi sinh hoạt, người phát biểu kế tiếp về Hàn Mạc Tử là nhà biên khảo Lương Giang Phạm Trọng Nhân, cựu ngoại giao VNCH, một trong những diễn giả diễn thuyết hay của Paris, ông nói : *“ Theo tôi thơ Hàn Mạc Tử là thơ trữ tình lãng mạn khởi đi từ quê hương đến tình yêu đôi lứa....Những bài thơ trong thi tập Lệ Thanh, Gái Quê và một số bài trong Đau Thương mang dòng thơ trữ tình lãng mạn: Mùa Xuân Chín, Đây Thôn Vỹ Dạ, Trăng Vàng Trăng Ngọc, Những Giọt Lệ... Ông đọc :*

*« ... Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ... »*

(Những Giọt Lệ)

Ông đọc tiếp bài khác : Đây Thôn Vỹ Dạ:

*“...Mơ khách đường xa, khách đường xa;
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?”*

Nói đến Trăng trong thơ Hàn Mạc Tử là nói đến cách xử dụng hình ảnh linh động chứa ẩn dụ và mang nhiều ý nghĩa khác nhau :

“Trăng, trắng, trắng ! Là trăng, trắng trắng!

(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Nhà thơ Hồ Trọng Khôi, cựu ngoại giao VNCH, người nổi tiếng ở Paris về thơ Quê hương trữ tình, còn là nhà biên khảo tác giả cuốn Tận Thế Hay Không ? Nhà thơ Hồ Trọng Khôi đặt câu hỏi : *« Tại sao vào những đêm trăng rằm thi sĩ Hàn Mạc Tử lại cảm thấy đau đớn hơn ? Có phải cơ thể người bị phong nan y dị ứng với mùa trăng? »*

Nhà thơ Bằng Vân ngồi im lặng bỗng lên tiếng :

«Chẳng phải mỗi lần trăng lên là hành hạ các vết đau của Hàn Mạc Tử, vì người bị phong nan y các ngón chân tay trong cơ thể đều tắc các mạch máu và tê dại thì làm sao mà đau đớn ! Do đó cơn đau ở đây là nỗi đau trong tâm hồn, chứ không phải đau thể xác. » Nói đến thi sĩ Bằng Vân một con người đặc biệt, năm xưa ông mê thơ hơn chức giáo sư đại học y khoa, chức trưởng phòng nghiên cứu về bệnh cùi (1963-1975) thuộc viện Pasteur :Trung tâm nghiên cứu bệnh nhiệt đới. Ông là thành viên hội thơ Trúc Liên từ đầu thập niên 60, hội quy tụ nhiều nam nữ thi sĩ nổi tiếng như Chung Anh, Vân Nương, Thu Nga, Trùng Quang, Đông Xuyên....vvv... Thi sĩ Bằng Vân đã sống với thơ và thơ đã nhập vào ông thành phong cách sống. Dù say thơ, từng làm thơ xướng họa với các thi nhân nhưng Bằng Vân vẫn xem mình như một nhà thơ tài tử, vì tay phải vẫn cầm ống nghe, tay trái viết theo tiếng lòng. May thay cạnh ông thời trẻ

là những văn thi sĩ nổi tiếng như Lãng Nhân, Vũ Hoàng Chương, Tchya. Nguyễn Hiến Lê, Vũ Bằng, Đỗ Đức Thu..vv.. hiểu ông, khuyến khích nên thơ ông càng ngày càng điêu luyện sắc bén. Sau biến cố , âm 75 thơ ông trở nên độc đáo mang tính phê phán, châm biếm. Nói như nhà thơ Phương Du : *«Trong số các nhà thơ châm biếm VN như Tú Xương, Tú Mỡ...thi sĩ Bằng Vân là một Tú Gân.»* Với bản tính nghệ sĩ bất cần nên hơi khác người, ông thường bị xem là kẻ boi ngược dòng, ngông sĩ, thích bông đùa. Đôi khi thấy ông tay xách bao đi chợ đựng sách báo và thức ăn, ông vào nhà hàng gọi chung bàn tiệc với các bạn văn thơ, ông không dùng thức ăn của nhà hàng, ông không ăn chay nhưng mang phần ăn của mình ra ngoài ăn, ông dành tiền phần ăn mua sách ủng hộ các văn thi sĩ. Các bạn thơ ở Paris đều hiểu và phục ông lắm, chẳng ai thắc mắc những lúc ông «hứng» như thế. Ăn xong, vào phần thảo luận văn thơ ông diễn thuyết như sáo. Một số bài thơ trong thi tập Mếu Cười dưới bút hiệu Lưu Văn Vọng là ông tự họa để riêu mình và châm biếm đời. Ông rất quý tình bạn, nhất là tình nghệ sĩ nên viết thi tập Duyên Thơ Tình Bạn, Sợi Tơ Lòng dưới bút hiệu Bằng Vân. Trong số các nhà thơ nữ ở Paris ông quý nhất nữ sĩ Thanh Thanh Thân Thị Ngọc Quế tác giả thi tập Giọt Nước Cành Sen, và nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương còn ở quê nhà, đa số thơ ông ca ngợi những thi sĩ cùng thời với ông. Hình bìa của thi tập Huyền Thoại Tình Và Thơ, do phu quân của nữ sĩ Thanh Thanh là họa sĩ Dương Cẩm Chương trình bày, người nghệ sĩ này thích vẽ tranh hơn làm bác sĩ khám bệnh.

Có lần chúng tôi họp bạn văn ở nhà hàng Đào Viên để đón nhà thơ Viên Linh từ Hòa Kỳ sang. Trong số những người đến

sớm có tôi, nhà văn Hồ Trường An, nhà thơ Bằng Vân, nhà thơ Phương Du, nữ sĩ Quỳnh Liên, nữ sĩ Thụy Khanh.vv.Nhà thơ Bằng Vân hỏi nhà văn Hồ Trường An : «Sao ông viết về phụ nữ nhiều thế, ca vừa thôi chứ !?» Đang vui bỗng bị hỏi câu đó, nhà văn Hồ Trường An : «Chỉ mình tôi “ca” bộ ông không ca sao ?!» Thi sĩ Bằng Vân cười ha ha : *«Thế là chúng ta đồng điệu,... Viết về cái đẹp cái hay của phụ nữ là đề tài mà từ ngàn xưa giới văn học nghệ thuật đã làm, chúng ta chỉ là người đi sau phát hiện ra cái hay, cái đẹp để ca ngợi.»*

Thi sĩ Bằng Vân dáng người dong dong cao như tây phương, mái tóc dày trắng như cước bông bênh trông rất nghệ sĩ. Khuôn mặt của ông điển trai trông đẹp lão, miệng ông luôn cười, hé chiếc răng nanh làm tăng vẻ duyên dáng. Thi sĩ bằng Vân vốn có một kiến thức rất uyên bác, lại có tài ăn nói. Có lần học giả GS Lê Hữu Mục qua Paris diễn thuyết về Truyện Kiều do hội Dục sĩ tổ chức, ông được mời đến hội Thơ để đàm luận thi ca, và giới thiệu vài nét về cuốn Ngục Trung Nhật Ký mà ông vừa viết. Ở Ba Lê Thi Xã ông gặp được thi sĩ Bằng Vân, cặp nghệ sĩ Bằng Vân Lê Hữu Mục hòa nhau diễn thuyết khiến các nhà thơ hiện diện nghe say mê quên cả trình bày thơ mình. Một người nổi tiếng như BS Trần Văn Bằng đến khi lia đời ở tuổi 88 vào năm 1998. Tiền ông chỉ ít bạn thơ và gia đình, hôm đó trời lạnh dưới 5 độ C, tuyết rơi phủ ngập đường. Trong băng giá, có một người nghệ sĩ cả đời dùng thi ca để nói lên nỗi đau của thân phận con người, ông ra đi mà nỗi niềm nhân thế vẫn còn vương!

(Còn tiếp)

ĐỖ BÌNH

(Paris)

Sir Arthur Ignatius Conan Doyle

(1859-1930)

Nhà Văn viết truyện Trinh Thám danh tiếng nhất của nước Anh

Phạm Văn Tuấn

Sir Arthur Ignatius Conan Doyle là nhà văn Tô Cách Lan (Scottish) rất nổi danh về các truyện trinh thám với thám tử tên là Sherlock Holmes, đây là những truyện ngắn loại mới trong bộ môn truyện hư cấu về tội phạm (crime fiction).



Sir Conan Doyle là tác giả rất phong phú với các truyện khoa học giả tưởng (science fiction), các tiểu thuyết lịch sử (historical novels), các vở kịch, các truyện tình (romances), các tập thơ và các truyện

không hư cấu (non-fiction). Conan là tên giữa (middle name) nhưng đã được tác giả dùng như tên gọi (surname) trong các năm về sau.

1/ Cuộc đời của Nhà Văn Conan Doyle.

Arthur Conan Doyle chào đời vào ngày 22/5/1859 tại Edinburgh, là người con thứ hai trong 10 người con của ông Charles Altamont Doyle và bà Mary Foley Doyle. Bà mẹ Mary này là một người có văn hóa cao, rất quan tâm tới văn học, bà thường khuyến khích cậu con trai thám hiểm vào thế giới của sách vở. Vào tuổi lên 9, cậu Arthur được cha mẹ cho theo học trường tiểu học Dòng Tên Stonyhurst, rồi khi lên 14 tuổi, cậu Arthur đã học tiếng Pháp để đọc các cuốn truyện giả tưởng của nhà văn Pháp Jules Verne. Khi rời khỏi ngôi trường Stonyhurst vào năm 1875, Arthur đã từ bỏ đạo Thiên Chúa để trở nên một người theo thuyết "không thể hiểu biết Thượng Đế" (an agnostic).

Từ năm 1876 tới năm 1881, Arthur theo học Y khoa tại Đại Học Edinburgh, trong thời gian này, ông đã làm việc tại thành phố Aston, ngày nay là một khu vực của Birmingham. Sau khi ra trường, ông Conan Doyle là một y sĩ phục vụ trên một con tàu đi tới miền bờ biển phía tây của châu Phi rồi qua năm 1882, ông mở phòng khám bệnh tại Plymouth. Tới năm 1885, ông Conan Doyle hoàn thành luận án Bác Sĩ Y Khoa về bệnh hao mòn (Tabes Dorsalis).

Do nghề bác sĩ không đông khách và trong khi chờ đợi các bệnh nhân, ông Conan Doyle bắt đầu viết các truyện ngắn. Thực ra vào tuổi dưới 20, ông Doyle đã từng viết bài cho tờ báo Chambers của miền Edinburgh.

Vài năm về sau, khi đã dọn phòng mạch về Southsea, ông Conan Doyle mới bắt đầu say mê văn chương nhưng ông cũng đã giúp công vào việc tạo nên đội bóng đá đầu tiên của thành phố và ông từng làm thủ môn đầu tiên và hậu vệ trong các năm từ 1884 tới năm 1890.

Tác phẩm giá trị đầu tiên của ông Conan Doyle là cuốn "Một Khảo Sát về Màu Đỏ Tươi" (A Study in Scarlet) xuất hiện vào năm 1887 trên đặc san Giáng Sinh của tạp chí Beeton, qua đó đã xuất hiện lần đầu tiên nhà thám tử Sherlock Holmes, nhân vật này được tác giả tạo nên theo hình ảnh và tài năng quan sát của ông Joseph Bell, vị Giáo Sư Đại Học khi trước. Đây là vị giáo sư Y Khoa có tài nhận xét từng chi tiết rất nhỏ của bệnh nhân để kết luận một cách hữu lý. Nhà văn danh tiếng Ruyard Kipling đã phải khen ngợi ông Conan Doyle về sự thành công của cuốn truyện.

Năm 1885, ông Conan Doyle kết hôn với cô Louisa Hawkins nhưng bà vợ này đã mắc bệnh lao phổi và qua đời vào năm 1906. Năm sau, ông kết hôn với cô Jeanne Leckie, là phụ nữ mà ông đã gặp và yêu thương từ năm 1897. Ông có 5 người con, 2 người với bà vợ thứ nhất tên là Mary và Kinsley, và 3 người con với bà vợ thứ hai: Jean, Denis và Adrian.

Năm 1890, ông Conan Doyle theo học Nhân Khoa tại Vienna rồi dời nhà về thành phố London năm 1891 và mở phòng khám mắt. Trong cuốn tự truyện, ông đã viết rõ rằng không một bệnh nhân nào vào phòng

khám bệnh của ông cả, sự kiện này khiến cho ông có nhiều thời giờ dành cho công việc viết văn, nhưng tới tháng 11/1891, ông Conan Doyle đã viết thư cho mẹ: "Con đã nghĩ tới việc chấm dứt vĩnh viễn thám tử Holmes, anh ta làm cho tâm trí của con xa lánh các thứ tốt lành hơn".

Vào tháng 12/1893, ông Conan Doyle đã làm như vậy để dồn thời giờ vào các công việc quan trọng hơn, đó là các tiểu thuyết lịch sử (historical novels), và tác giả Conan Doyle đã cho thám tử Sherlock Holmes đối đầu với Giáo Sư Moriarty trong cuốn truyện "Vấn Đề Khó Khăn Cuối Cùng" (The Final Problem). Cả hai bị té ngã và chết tại thác nước Reichenbach, thuộc nước Thụy Sĩ.

Các bạn đọc theo dõi truyện của ông Conan Doyle đã phản đối kịch liệt, họ đeo các băng đề tang và tờ báo Strand, chuyên đăng chuyện dài nhiều kỳ, đã bị mất đi 20,000 người mua báo dài hạn. Sự phản đối này khiến cho tác giả Conan Doyle phải viết tiếp cuốn truyện "Cuộc Phiêu Lưu của một Căn Nhà trống" (The Adventure of the Empty House) trong đó đã cắt nghĩa khéo léo rằng chỉ có Giáo Sư Moriarty bị chết, còn thám tử Sherlock Holmes đã được cứu thoát. Nhà thám tử danh tiếng này đã xuất hiện trong tất cả 56 truyện ngắn và tiểu thuyết của ông Conan Doyle.

Loạt truyện trinh thám với thám tử Sherlock Holmes đã được dịch sang hơn 50 ngôn ngữ khác nhau, được chuyển thành phim, thành kịch, được kể trên các đài phát thanh, chiếu trên các đài truyền hình và được vẽ trong các sách báo, quảng cáo... Vào năm 1920, tác giả Conan Doyle là một trong các nhà văn kiếm được nhiều tiền nhất trên thế giới.

Sang đầu thế kỷ 20, đã xảy ra cuộc chiến tranh Boers tại xứ Nam Phi và cả thế giới đã lên án các hành động của người Anh. Ông Conan Doyle đã viết một cuốn sách mỏng, có tên là "Trận Chiến tại Nam Phi: Lý Do và Hành Động" (The War in South Africa: Its Cause and Conduct) để biện minh cho vai trò của nước Anh trong cuộc chiến này và cuốn sách kể trên đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ và phổ biến rộng rãi.

Ông Conan Doyle được phong chức Hiệp Sĩ năm 1902 và ông cho rằng đó là nhờ cuốn sách mỏng kể trên và nhờ các công trạng của ông ở bệnh viện dã chiến Bloemfontein, Nam Phi. Ông cũng được cử làm Phó Thống Đốc quận Surrey vào năm 1902 và cũng viết một cuốn sách dài: Trận Chiến Tranh Lớn Boer (The Great Boer War).

Trong các năm đầu của thế kỷ 20, Sir Arthur Conan Doyle đã ra ứng cử chức đại biểu Quốc Hội, một lần tại địa phận Edinburgh còn lần kia tại địa phận Border Burghs nhưng đều không trúng cử dù đạt được số phiếu đáng kể. Sau đó, ông Conan Doyle tham gia vào phong trào cải cách xứ Congo Tự Do (Congo Free State) chủ trương do nhà báo E.D. Morel và nhà ngoại giao Roger Casement và viết ra một cuốn sách để tố cáo các nỗi kinh hoàng tại Congo, có tên là "Tội Ác tại Congo" (The Crime in Congo). Do quen thân với hai nhân vật Morel và Casement kể trên, nhà văn Conan Doyle đã dùng hình ảnh của hai người này vào trong tác phẩm "Thế Giới Thất Lạc" (The Lost World, 1912).

Khi ông Morel trở nên khuyh tả, ông Conan Doyle đã đoạn giao với ông ta và trở thành một trong các nhà lãnh đạo phong trào hòa bình trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Nhất và khi ông Casement phạm tội phản

bội chống lại nước Anh vì quan điểm quốc gia Tô Cách Lan (Irish nationalist), ông Conan Doyle đã cố gắng bênh vực ông Casement khỏi bị án tử hình.

Ông Conan Doyle còn là một người hăng hái biện hộ cho công lý, tự mình điều tra hai trường hợp bị kết án rồi, nhờ vậy 2 người đã được minh oan và thả ra khỏi nhà tù. Kết quả của công cuộc điều tra kể trên là Tòa Kháng Án Hình Luật (The Court of Criminal Appeal) được thành lập năm 1907 để sửa chữa các sai trái khi thi hành luật pháp.

Vào các năm về sau, ông Conan Doyle quan tâm tới thuyết Tâm Linh (spiritualism), tới độ ông đã viết ra cuốn tiểu thuyết "Miền Đất của Sương Mù" (The Land of Mist) trong đó có nhân vật chính là Giáo Sư Challenger, rồi sau đó là cuốn sách "Các Nàng Tiên đang tới" (The Coming of Fairies, 1921). Tác giả Conan Doyle đã hoàn toàn tin tưởng vào lý thuyết liên quan tới bản chất và sự hiện hữu của các tiên nữ và các thần linh. Trong cuốn sách "Lịch Sử của Chủ Thuyết Tâm Linh" (History of Spiritualism, 1926), ông Conan Doyle đã ca ngợi các hiện tượng huyền bí. Ông Conan Doyle đã làm chủ tịch của nhiều tổ chức tâm linh (spiritualist organizations) quan trọng.

Sau khi bà vợ Louisa qua đời vào năm 1906 và sau các cái chết bi thương của người con trai Kingsley, của 1 người em, 2 em rể và 2 cháu trai trong Thế Chiến Thứ Nhất, ông Conan Doyle bị suy sụp tinh thần. Có lẽ vì vậy mà nhà văn này đã bị quan và tìm nguồn an ủi trong các câu chuyện tâm linh và những điều chứng minh về một kiếp sau.

Cũng vì biện hộ cho sự huyền bí mà tập truyện trinh thám "Các Cuộc Phiêu Lưu của Sherlock Holmes" (The Adventures of

Sherlock Holmes) đã bị Liên Xô cầm lưu hành vào năm 1929.

Trong một thời kỳ, ông Conan Doyle đã kết bạn với nhà ảo thuật Harry Houdini và mặc dù ông này đã nhấn mạnh rằng các nhà tâm linh (spiritualists) chỉ dùng tới các ảo thuật, nhưng ông Conan Doyle vẫn tin tưởng rằng ông Harry Houdini có các quyền lực siêu nhiên. Quan niệm này đã được tác giả Conan Doyle diễn tả trong cuốn truyện "Khía Cảnh của Điều Không Biết" (The Edge of the Unknown).

Sir Arthur Conan Doyle qua đời năm 1930 vì bị bệnh tim (heart attack), vào tuổi 71 và được chôn cất trong khu đất nhà thờ tại Minstead, trong vùng New Forest, Hampshire, nước Anh.

Đề vinh danh nhà văn danh tiếng này, một bức tượng của ông đã được dựng lên tại Crowborough, East Sussex, nước Anh. Đây là nơi Văn Hào Conan Doyle đã sinh sống trong 23 năm. Nhà thám tử danh tiếng Sherlock Holmes cũng được dựng tượng tại Công Viên Picardy, Edinburgh, gần với căn nhà mà ông Conan Doyle đã ra chào đời.

2/ Một số tác phẩm của Sir Conan Doyle.

A- Loạt truyện Sherlock Holmes:

- Một Khảo Sát về Màu Đỏ (A Study in Scarlet, 1887)
- Dấu hiệu số Bốn (The Sign of Four, 1890)
- Các Cuộc Phiêu Lưu của Sherlock Homes (The Adventures of Sherlock Holmes, 1892)
- Các Ký ức của Sherlock Holmes (The Memoirs of Sherlock Holmes, 1894)
- Con Chó Săn của Baskervilles (The Hound of the Baskervilles, 1902)
- Sherlock Holmes trở lại (The Return of Sherlock Holmes, 1904)
- Thung Lũng của Sợ Hãi (The Valley of Fear, 1914)

- Lần cúi chào cuối cùng của ông ta (His Last Bow, 1917)

- Cuốn Hồ Sơ của Sherlock Holmes (The Case Book of Sherlock Holmes, 1927).

B- Loạt truyện Giáo Sư Challenger:

- Thế Giới Thất Lạc (The Lost World, 1912)
- Dây Lưng có chất độc (The Poison Belt, 1913)
- Miền Đất của Sương Mù (The Land of Mists, 1926)
- Khi Thế Giới kêu la (When the World Screamed, 1928)
- và nhiều truyện khác...

C- Các Tiểu Thuyết Lịch Sử:

- Đại Đội trắng (The White Company, 1891)
- Micah Clarke (1888)
- Bóng Tối Lớn (The Great Shadow, 1892)
- Các Người Tị Nạn (The Refugees, 1893)
- Rodney Stone (1896)
- Bác Bernac (Uncle Bernac, 1897)
- Sir Nigel (1906).

D- Các tác phẩm khác:

- Bí ẩn của Cloomber (Mystery of Cloomber, 1889)
- Thuyền Trưởng của Sao Bắc Cực (The Captain of the Polestar, 1890)
- Chung quanh Ngọn Đèn Đỏ (Round the Red Lamp, 1894)
- Bi kịch của Korosko (The Tragedy of The Korosko, 1898)
- Trận Chiến Tranh Lớn Boer (The Great Boer War, 1900)
- Các truyện khủng bố và bí mật (Tales of Terror & Mystery, 1923)
- và nhiều truyện khác./.

Phạm Văn Tuấn

Không Tử (khoảng 551-479 trước Tây Lịch) nói với con trai: *Không đọc Kinh Thi thì biết nói năng ra làm sao cho có văn vẻ tình ý?*

Kho tàng ca dao và tục ngữ Việt là một điểm son của nền văn học truyền khẩu của dân tộc Việt tồn tại tự ngàn xưa. [E-cadao.com hay <http://cadao.org>]

CA DAO & TỤC NGỮ LÀ GÌ

Tiếng Nói Tâm Tình từ Ngàn Xưa của Dân Tộc Việt

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

Ca dao, đồng dao, phong dao; tục ngữ, ngôn ngữ, thành ngữ; cách ngôn, phương ngôn, ngụ ngôn, châm ngôn, danh ngôn là gì?

Sau năm 1946, nhà cầm quyền Việt Minh (tức Cộng Sản VN) ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Cha mẹ tôi phải tự phá hủy ngôi nhà thân yêu ở thị xã Thái Bình tản cư về quê ngoại ở làng Phụng Thượng, Kiến Xương. Lúc đó tôi được 10 tuổi.

Tại quê ngoại, tôi đã được sống những ngày êm đềm ở đồng quê. Tôi đã được thở hít không khí trong lành của đồng ruộng, được tham gia sinh hoạt của những nhà nông chất phác, hiền hòa; được hưởng thú vị của những buổi bình minh hay hoàng hôn gọi cảm của đồng quê; được nghe những tiếng sao điều; đặc biệt là nghe những câu hò, câu hát của trai gái trong mùa đi cấy, đi gặt hay hái bông, v.v.

Tôi đã được thấy những cảnh an vui như:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cấy, vợ cấy, con trâu đi bừa

Và nghe những câu ca lý thú như:

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông nước, trông mây

*Trông mưa, trông nắng, trông ngày,
trông đêm*

Trông cho chân cứng, đá mềm

Trời yên, bể lặng mới yên tâm lòng

Hỡi cô tát nước giữa đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Những cảnh tượng của đồng quê thanh bình đó, những câu ca của các cô gái quê hồn nhiên đó đã thực sự nuôi dưỡng tâm hồn tôi cho đến nay vẫn còn thấy âm áp như những lời ru và vòng tay dịu hiền của mẹ tôi đã từng bế ẵm tôi trong thuở ấu thơ. Trong thời thúc của hoài niệm đó, tôi xin phép được chia sẻ ...

CA DAO LÀ GÌ

Ca dao và tục ngữ của dân tộc Việt đã có từ ngàn xưa khi chữ viết còn hiếm hoi và đã **được các nhân vật có chữ nghĩa, có tư**

tuồng làm ra với mục đích truyền bá các câu nói dạy khôn **cho đám người bình dân** nhằm giúp cuộc sống của xã hội thêm vui tươi và có màu sắc văn hóa hơn.

Ca dao và tục ngữ xuất phát từ đâu?
Ca dao và tục ngữ xuất phát từ nhu cầu truyền đạt những hiểu biết của những người có tư tưởng khôn ngoan cho lớp người còn chất phác, thiếu chữ nghĩa, nhằm cải thiện lối sống còn thô sơ, mộc mạc của họ.

Ban đầu, ca dao hay tục ngữ chỉ là những **câu thơ** ngắn thường là 4 hay 5 chữ có vần điệu cho dễ nhớ, dễ hát để truyền miệng cho nhau vì lúc đó chữ viết còn hạn chế. Do đó, **thơ đã xuất hiện trước văn** (xuôi).

Ở Trung Quốc, Khổng Tử đã ghi chép lại trong cuốn *Kinh Thi* của ông một số câu ca dao lưu hành đương thời (xem *Lịch Sử Văn Minh Trung Hoa*, của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, tr.42). Phần lớn những câu ca dao thời đó nói về tình yêu:

*Những con ngỗng trời
Đậu trên rìng Yu kia
Được tự do bay lượn
Sung sướng làm sao!
Còn chúng ta phải phục vụ nhà Vua
Không lúc nào được nghỉ ...*

Ca dao (folk songs) xuất hiện với nhiều thể loại, ban đầu thường là những bài **đồng dao** là những khúc hát dành cho trẻ con hát để vui chơi, chẳng hạn vào dịp Tết:

*Súc sặc, súc sê
Nhà nào còn đèn, còn lửa
Mở cửa cho chúng tôi vào
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng áp
Bước xuống giường thấp
Thấy đôi rồng châu
Bước ra đằng sau thấy nhà ngói lợp ...*

(Xem *Thi Văn Hợp Tuyển* của Dương Quảng Hàm)

Ca dao còn là những **khúc hát dài để dạy trẻ con những từ ngữ** thông thường, như:

*Ông giảng, ông giảng (trắng)
Xuống đây mà chơi
Chơi với cây cau
Cây **cau** cho **mo**
Chơi với học trò
Học trò cho **bút**
Chơi với ông Bụt (Buddha, Phật)
Ông **Bụt** cho **chùa**
Chơi với nhà Vua
Nhà **Vua** cho **lính**
Chơi với ông Chính (chính quyền)
Ông **Chính** cho **mở**
Chơi với nôi trờ
Nôi **trờ** cho **xôi** ...*

Dạy những **từ ngữ đối nhau**:

*Tập tâm vòng
Tập tâm vó
Tay nào có; tay nào **không?**
Chị lấy **chông**; em ở **giá**
Chị ăn **cá**; em ăn **xương**
Chị nằm **giường**; em nằm **đất** ...
Chị cầm **kéo**; em cầm **dao**
Chị làm **sao**; em làm **vậy**
Chị buôn **cây**; em buôn **hồng**
Chị lấy **chồng**; em lấy **vợ**
Chị đi **chợ**; em ở **nhà**
Chị ăn **quả**; em ăn **bánh** ...*

Ca dao nói về **thời tiết**:

*Chớp đông nhay nháy
Gà gáy mới mưa

Móng đông, vòng tây
Không mưa dây cũng bão giạt*

Trăng quầng thì cạn
Trăng tán thì mưa

Được mùa cau
Đau mùa lúa

Những câu ca dao kêu gọi **tình đoàn kết, tương thân, tương ái, gìn giữ thanh danh:**

Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

Thức khuya mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết là người có nhân

Có bài ca dao dường như muốn nói lên **tâm sự của một nhà yêu nước** khi đất nước bị đô hộ (Pháp), vương quyền bị lấn át, các quan lẩn tránh; bản thân ẩn dật nhưng còn vương tư nhớ tới lãnh tụ (vua Hàm Nghi?) còn bị lưu đày:

Hôm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn; trông sao, sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Đêm đêm tường giải ngân hà
Nhớ sao **Bắc Đẩu** đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê, nước chảy vẫn còn trơ trơ

Một bài ca dao nghe rất xuôi tai mô tả rất sống động tình cảnh cuộc sống của người lính thú đời xưa:

Ba năm trấn thủ lưu đồn
Ngày thì canh điểm, tối dồn việc quan

Chém tre, đẵn gỗ trên ngàn
Hữu thân, hữu khổ, phàn nàn cùng ai?
Miếng ăn, miếng trúc, miếng mai
Những giang, cùng nứa, lấy ai bạn cùng?
Nước giếng trong, con cá nó vẫy vùng

Lưu ý: Gần đây (4/3/2011) trên một trang web có đăng bài nói về sự phát hiện lai lịch bài thơ này: nhà thơ Lê Đình Lai đã tìm ra một tấm bia khắc bài thơ này bằng chữ Hán có ghi chú câu: “**Thần Phủ Ký Lưu Đôn**” của Nguyễn Phúc Hiền. Nguyễn Phúc Hiền nguyên là một vị đại quan dưới triều Trần được nhà vua phái đi lập căn cứ trấn thủ ở **thôn Lưu Đôn**, làng Vạn An, xã Thụy Hồng, Thái Thụy Anh, Thái Bình trong 30 năm từ 1258 đến 1288. Bài thơ khắc này chỉ có một điểm khác là: trong câu đầu, thay vì ba năm thì bia đó ghi là *tam thập niên* (ba mươi năm). Rất có thể là bài thơ đó đã được truyền miệng trong dân gian và được đổi từ 30 năm thành 3 năm cho phù hợp với thời gian quân dịch của dân phu chăng?

Đặc biệt, ca dao nói về **tình yêu lứa đôi** (vợ chồng) thì rất phong phú. Có nhiều bài hát rất tình tứ mà người ít chữ nghĩa tất không thể làm được (giới bình dân thường chỉ có khiêu ca, múa, hát thổi):

Đôi ta như thể con tôm
Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong
Đôi ta như thể con ong
Con quẩn, con quýt, con trong, con ngoài

Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh
Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh, em đứng một mình, cũng xinh

Qua đình, ngả nón trông đình

*Đình bao nhiêu ngói, thương mình
bấy nhiêu*

Và đây là **tâm tình giấc mơ** của các nàng
thôn nữ:

*Chẳng tham ruộng cả, ao liền
Chỉ tham cái bút, cái nghiên anh đồ*

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ, biết vào tay ai?*

*Mơ ngày áo gấm về làng
Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau*

Ca dao mô tả tâm sự của một *cô gái
phải lấy chồng lúc chồng còn quá nhỏ tuổi*
(tục **tảo hôn**):

*Bồng bồng bé chồng đi chơi
Đi qua chỗ lội, đánh rơi mất chồng
Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng
Để tôi tát nước vớt chồng tôi lên*

Hoặc:

*Mẹ em tham thúng xôi dền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng
Em đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ hám, mẹ hứ, mẹ bụng ngay vào
Bây giờ chồng thấp, vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng!*

Dần dần với thời gian, những bài ca dao trở
thành những bài **dân ca** dưới dạng các câu
hò, câu hát **trống quân** (Bắc Ninh), những
câu **lý** (vừa kể vừa hát) hay những câu **vè**
(bài hát tự biên, tự diễn; như nhạc ‘rap’) rất
dễ thương; hay những câu **hát đố**:

*Chiều chiều ra đứng cổng sau
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều*

*Đố ai quét sạch lá rừng
Để ta quét sạch lá, lá rừng rung rung cây*

*Không sơn mà đỏ
Không gỗ mà kêu
Không khều mà rụng
(Là gì? - mặt trời; sấm; mưa)*

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc, rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa tay chân
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh*

Về “Con Gái Đồng Trinh”:

*Em là con gái đồng trinh
Em đi gánh nước qua dinh ông Nghè
[quan Tiên Sĩ]
Ông Nghè sai lính ra ve
Em lạy ông Nghè em đã có con
Có con thì mặc có con
Cái má em tròn, đường tóc em ngay*

Lý “Lơ Thơ”:

*Lơ thơ tơ liễu buông màn
Con chim oanh học nói trên cành mĩa mai
Em nghĩ mình có cái cúc bạc lưu tai
Cúc bạc thì có cái tram cài vốn không ...*

Hát **thi tài** giữa nam và nữ. Gái chanh chua
ví von:

*Thân chị như hoa gạo trên cây
Thân em như đám cỏ may bên đường*

Trai trả đũa:

*Lạy trời cho cá gió lén
Cho hoa gạo rụng xuống chui luôn cỏ may*

Các cô công cóc đáp:

*Này này chị nói em hay
Nhát mặn là muối, nhát cay là gừng*

*Nhất cao là núi tam tùng
Chỉ còn đập đổ nữa rừng cỏ may*

Rồi còn chua ngoa bồi thêm:
*Chả thèm ăn gói tôm đanh
Chả thèm chấp với thằng anh nhà mày
Chả thèm ăn gói cá chày
Chả thèm chấp với thằng thầy mày đâu*

Nhưng các chàng trai cũng không vừa khi
cất cao tiếng hát hóm hỉnh:
*Đi đâu mà chẳng lấy chồng?
Người ta lấy hết chồng mông mà gào
Gào rằng đất hời, trời ơi!
Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng?
Ông Trời ngánh cổ lại trông:
Mày còn kén chọn, ông không cho mày!*

Một cụ đồ Nho nào đó có tính bông đùa hẳn
đã dạy cho mấy cô vài câu hát dí dỏm tỏ vẻ
kiêu kỳ:
*Ba đồng (í í í) một mớ đàn ông
Mua về mà thả vào lồng cho kiến nó tha
Ba trăm một vị đàn bà
Rước về mà trải chiếu hoa cho ngồi*

Nhưng hẳn là cụ đồ cũng lén chỉ cho mấy
chàng trai đối đáp lại rằng:
*Dù em lá ngọc, cành vàng
Nhưng em chẳng thể giữa làng (í í) chứ
được mời ngồi trên
Dù em có họ, có tên
Nhưng tên chẳng thể có trên Bảng Vàng ...*

Trăng đã lên cao và đã đến giờ phải
chia tay về nghỉ cho việc đồng áng ngày
mai. Toán gái trai dung dăng dung dẻ trở
về nhà. Cảnh đồng quê thơ mộng đó nay
còn đâu?

Trong rừng ca dao, nhiều người còn
nhớ những câu ca than trách **duyên phận**

lỡ làng, dở dang rất gọi cảm. Chàng trai
than tiếc:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!*

Nàng cũng tiếc than:
*Ba đồng một mớ trâu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra!*

Sau này, ca dao càng ngày càng được lan
rộng nên có địa phương gọi ca dao là
phong dao là những câu ca nói về phong
tục hay phong cách con người.

*Muốn coi lên núi mà coi
Coi Bà Triệu Ấu cười voi, đánh cồng*
(Bà Triệu Thị Trinh chống quân Nhà Ngô
bên Tàu khoảng năm 248 sau Tây Lịch)

*Làm trai cho đáng nên trai
Xuống Đông, Đông tênh; lên Đoài (Nam),
Đoài tan*

*Muốn sang (sang trọng) thì bắc Cầu Kiều
Muốn cho hay chữ thì chiêu (mời) lấy thầy*

Có hai câu ca dao /phong dao được nhiều
người trong đó có Tiến Sĩ Hương Giang
Thái Văn Kiểm (xem *Việt Nam Gấm Hoa*,
tr. 19) và Giáo Sư Vũ Quốc Thúc (xem *Phù
Sa Sông Cửu*, 2010, tr.148) viết bài tìm
hiểu về xuất xứ hay địa danh, đó là hai câu:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*

Theo T.S. Hương Giang Thái Văn Kiểm giải thích thì: *Chùa Thiên Mục* (1601) là một trong hai mươi thắng cảnh của đất Thần Kinh Huế được Vua Thiệu Trị liệt hạng và đề thi. Còn *Thọ Xương* thì phải viết là *Thọ Cương* mới đúng vì đối diện với chùa Thiên Mục là *Gò Long Thọ* hay *Long Thọ Cương*; tuy nhiên tại làng Kim Long, kế làng Vĩ Dạ, cũng có địa danh Thọ Xương.

T.S. Thái Văn Kiểm cho biết thêm là ở Hà Nội (Bắc) có lưu truyền bài thơ cổ ca tụng 4 cảnh trí nên thơ của cố đô Thăng Long (Hà Nội) là *Đền Trấn Võ* (Đền Quan Thánh, 1010); *Thọ Xương* (tên của của huyện lỵ Hà Nội); *An Thái* (làng Yên Thái chuyên nghề làm giấy); *Tây Hồ* (Hồ Tây, còn gọi là Đầm Đàm (sa mù) và Đầm Thầy Cáo)
Phát phơ ngọn trúc trắng tà
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ

T.S Thái Văn Kiểm cho rằng hai câu thơ nói về chùa Thiên Mục và Thọ Cương chỉ là nhái lại từ 4 câu thơ cổ kể trên trong thời kỳ di dân vào Đàng Trong của dòng Họ Nguyễn.

Tóm lại, ca dao nói chung là những *câu thơ* đa dạng có vần điệu, ngắn gọn, chuyên tải những tư tưởng khôn ngoan hay tình cảm tha thiết đối với gia đình hay đất nước, v.v. Ca dao và tục ngữ được xếp vào **văn chương bình dân** để phân biệt với loại **văn chương bác học** dành cho những người nhiều chữ nghĩa. Tuy nhiên, sự phân biệt đó *không mang ý nghĩa là ca dao và tục ngữ là của giới bình dân hay do giới bình dân, lao động làm ra* bởi lẽ người bình dân ít chữ nghĩa thì làm sao tạo được những câu văn hay và ý cao? Giới bình dân chỉ là đối tượng của loại văn chương này. **Ca dao**

và tục ngữ phải là của giới có nhiều chữ nghĩa (thường là các ông đồ nho) làm ra nhưng tác giả không ai muốn đề tên vì đó chỉ là những câu thơ lẻ tẻ, ngắn gọn, dễ thuộc với mục đích lưu hành trong dân gian (đại chúng) từ miệng người nọ qua miệng người kia nên còn được gọi là **văn chương truyền khẩu**.

Vì ca dao và tục ngữ là tinh hoa của trí tuệ giúp nâng cao tâm hiệu biết và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nên đã có nhiều thức giả nỗ lực sưu tầm để in ấn thành sách để tham khảo như cuốn *Nam Phong Ngữ Ngạn Thi* của Đinh Thái; *Đại Nam Quốc Túy* của Ngô Giáp Đậu; *Tục Ngữ, Cổ Ngữ, Gia Ngôn* của Huỳnh Tịnh Của (1897); *Tục Ngữ, Cách Ngôn* của Hàn Thái Dương (1920); *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc (1942); v.v.

Kỳ tới: Tục Ngữ Là Gì

*

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

TẬP SAN CỔ THƠM
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Dòng đời trôi: Con người và vũ trụ

Trần Tam Nguyên

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá.

Dòng đời trôi, hành tinh, mặt trời, thiên hà, ngân hà đều là cát bụi, là chất liệu, đều giống như em, Phương Lan, giống như viên đá cuội nằm lơ lửng ở triền núi, ở bờ biển lăn lóc theo dòng nước trôi, lăn quay theo sóng biển, tràn trọc theo tháng ngày như thiếu mất một thứ tình yêu, tình người và bị bơ vơ trong chuyển động mất hút.

Dòng đời trôi, con đường bao la từ hành tinh này đến hành tinh kia, dài cả hàng ngàn năm ánh sáng, sau vụ nổ lớn khởi nguồn tung toé sinh nở vũ trụ, em từ đó bước ra, chân không vững, cùng với những hành tinh, cùng với những ngôi sao lớn, cùng với mặt trời quay, em cũng quay trong say sưa chất men kỷ niệm, em là một viên đá cuội, một nham thạch, một hạt cát bụi như những ngôi sao sáng trên trời, em được hiện hữu trong một giây, một chốc của hiện tại hay em chỉ là đám mây bay lang thang, rồi em trở về là chiếc lá thu được đốt lên hun nóng tình người.

Dòng đời trôi, em là hiện thân của một nhân vật đã trốn chạy và thoát khỏi ra ngoài một cuốn tiểu thuyết mà tác giả đã sáng tạo ra em như một vai trò trong sinh hoạt hằng

ngày. Hôm nay em mỉm cười nhìn thấy và theo dõi được các hoạt động của tác giả. Tác giả vô tư ở trong thế giới hữu hình không nhìn thấy được thế giới vô hình của em, hay phải chăng sự mỏng manh của thế giới đó làm cho tác giả không nhìn thấy!

Dòng đời trôi, khi em còn là một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết, em không nhìn thấy được tận mặt tác giả, em tưởng tượng khuôn mặt người sáng tạo ra em một cách mơ hồ. Sáng nay thức dậy, em đang sống và hoạt động cho ngày hôm nay, bây giờ và ở đây, nhưng em chơi vơi, lẩn lộn không biết đang ở trong hay ở ngoài cuốn tiểu thuyết. Phải chăng đó được gọi là một kiếp sống.

Dòng đời trôi, mỗi chúng ta là một con thuyền chạy chung quanh một mặt trời đang cháy ở giữa vũ trụ. Con thuyền mỗi chúng ta đi xuyên qua cuộc đời với hành lý gồm các phân tử di truyền. Nếu chúng ta đạt đến được việc giao hàng yên ổn ở một bến tốt đẹp thì chúng ta sẽ không sống trong vô ích.

Dòng đời trôi, những đóa hoa xuân nở trong lòng em khi nắng tươi hồng hiện trên cành lá, em là lá, là cây, là đám mây đen đang trôi nổi bành bồng, em là gió bão, là nắng ấm, là nụ cười hay dòng nước mát thoát ra từ lòng đất, em là chất liệu của hành tinh

xa lạ mượn thời gian du hành qua không gian để đến quả đất này như một cuộc mãi rong chơi mất hút thời gian, quên mất cả hiện hữu và trở thành giấc mộng, em chỉ là cát bụi trong vũ trụ không định bờ bến.

Dòng đời trôi, em bị ném ra giữa dòng đời không biết trước, như một diễn viên bị xô đẩy ra giữa sân khấu, không được phân định một vai trò nào trước rõ ràng, em phải tự chọn lựa phải sống như thế nào, em bị bán loạn vì không tìm thấy một nơi nào để bám víu khi ý thức về sự hiện hữu, về sự chết đang chờ em ở một ngày nào đó, em cảm thấy xa lạ, bơ vơ và quá đáng trong một thế giới không có ý nghĩa và một tình cảm thất vọng, lo lắng, chán chường, điên cuồng, phi lý.

Dòng đời trôi, bỗng có tiếng gió thu bay về từ chốn đồng hoang xa xôi gõ nhịp vào hiên lạnh, em nghe có tiếng thở dài của lá phải rời cành bay phiêu bạt trong bầu trời ảm đạm để đi tìm giọt đắng thiên thu, tìm em quên thất, nước mắt nhỏ giọt thương cho cuộc tình cây lá và thu.

Dòng đời trôi, buổi chiều vàng mây lùa mịn như tơ, em đi nhặt những lá thu vàng để thành đống, một ý niệm biểu tượng kỷ niệm tình yêu chợt đến, em gom lá để đốt và sưởi ấm tình yêu bất chợt biến mất và cuộc đời phù phiếm vào lúc trời sang đông.

Dòng đời trôi, tình yêu cho em một hương vị tuyệt vời, em phải cho mới nhận được, em phải trung thực với chính em để có thể yêu, em trung thành với lương tâm và cảm xúc của chính em để sống đời của em vì hiện tại em chỉ có vốn vẹn một cuộc đời.

MƯA XỨ NGƯỜI

Những hạt mưa thưa rớt xuống đời
Xua tan chút nắng cuối mùa rơi
Tôi ngồi bên cạnh đời thông lệ
Nghe gió vi vu một góc trời.

Nhớ chiều hành quân nơi quê cũ
Trên những rừng thưa, những ngọn đồi
Chờ chuyến trực thăng vào trận địa
Thương rừng, nhớ bạn đã xa xuôi.

Giờ thành thơ nghe mưa thác đổ
Tưởng chừng như thể nước mắt rơi
Bạn bè đâu mất, tìm không thấy
Chỉ thấy hồn đau, xác rã rời.

Ở đây đất lạnh, rừng êm ả
Chỉ thấy mưa rơi chẳng thấy người
Lớp lớp người đi vào gió bụi
Đồi hoang, rừng thẳm nhớ khôn nguôi.

ĐĂNG NGUYÊN

Maryland, mùa mưa 2011

Dòng đời trôi, bỗng đứng tình yêu đổ về như thác lũ, như những trận mưa bão kéo từ đâu về, làm lòng chúa chan, em tự đứng cảm thấy sợ sệt cái mỏng manh nhìn thấy ở làn mây trôi trên khung trời.

Dòng đời trôi, thu có về mặc nó tại sao em phải hoãn hoãn ray rứt, phải chăng tình yêu đã đến bên em gần kề như tiếng chân ai bước nhẹ hay tiếng mưa nhịp nhàng rơi đều như những sợi dây chấp nối từ thiên đàng xuống địa ngục qua trung gian hiện thân em!

Dòng đời trôi, đông sang, em nhìn lá cành trở trời, nổi lòng giá băng theo tuyết lạnh, bầu trời xuống thấp gần kề trên mái ngói bốc hơi đen của những lò sưởi muốn hâm nóng lại tình yêu trống rỗng bỏ quên.

Dòng đời trôi, em thức dậy sớm vào buổi ban mai, em chạy vội vàng để theo dân chài đi đánh cá, chiều lại em ra ngoài vườn trồng những cây hồng và vun xới những luống đất, em mệt nhoài khi chiều tối đến, em sung sướng nằm trốn trong chăn nệm để tìm giấc ngủ. Cuộc đời gần giống như một trong những ngày như thế đó.

Dòng đời trôi, thời gian đóng kín những vết thương ngay cả không để lại cho em một vết sẹo. Em mừng tượng cha mẹ là những núi cao mà suốt đời em cố gắng leo lên và quên hẳn rằng rồi một ngày chính em lại giữ vai trò đó.

Dòng đời trôi, tiếng ru con ngủ còn văng vẳng trong gió mùa thu, suốt năm canh dài em thức đủ trọn, nỗi buồn cô đơn thực tại khiến em nhớ đến người và trở thành tiếng kêu gọi hiện diện của tình tha thiết in hằn trong tiềm thức được ghi dấu bằng tiếng ối hời trong ca khúc mẹ ru tìm giấc ngủ cho con : hãy nín, hãy ngủ đi nhé, để làm lắng dịu hình ảnh xáo trộn nào tình mẹ, nào tình yêu bị ướt át như chiếc diêm quẹt không bắt lửa giữa mùa mưa rơi.

Dòng đời trôi, mặc cho thời gian đi qua, cho không gian náo nhiệt hay lặng im hờ hững, em cứ gầy dựng những kỷ niệm tuyệt vời để áp ủ, để nâng niu và để yêu dấu. Kỷ niệm cũng bốc hơi men giống như rượu nồng, làm cho em say đến ngất ngây. Rồi một ngày trời thật trong, em đem kỷ niệm

đó bỏ vào chiếc hộp ngọc ngà, dù vẫn biết rằng khi mở ra chỉ còn là những chiếc lá khô vàng vì thời gian trôi qua.

Dòng đời trôi, sáng nay những con ve sầu lặng thinh một chốc trước khi cất tiếng ca tiếp những bài ca hay nhất. Những cây cối cúi đầu theo những ngọn gió thổi nhẹ vào buổi sớm. Đại dương làm tan vỡ vài ngọn sóng trên những bờ đá, trước mặt em ngôi nhà như còn đang ngủ giống hình dáng còn lại trong giấc mơ của em.

Dòng đời trôi, có tất cả những âm thanh đồng điệu của sóng, của gió, của cát, rồi ở giữa buổi hòa nhạc không tưởng của cuộc đời và của những chất liệu này, có tôi có anh có em có tất cả mọi người chung quanh. Nhưng trong số này có bao nhiêu người nhìn thấy cảnh vật trước mắt và nghe những âm thanh này? Có bao nhiêu người thực hiện được vào mỗi buổi sáng cái ưu quyền thức dậy để nhìn thấy, để cảm giác, để sờ mó, để nghe và để nhận biết những hiện tượng đó? Có bao nhiêu người có khả năng quên đi trong một chốc những bận rộn để thưởng ngoạn và thán phục cái hoạt cảnh kỳ ảo này? Đời sống riêng tư của em, của con người chính là phần vô thức to lớn nhất của nó. Em mở to đôi mắt nhìn cảnh vật chung quanh, những kỷ niệm đẹp không chóng tàn, em thấm nhiễm những màu sắc và những chất liệu này vì đó là nguồn gốc của những ưa thích, những nhớ tiếc, những hoài trông trong suốt cuộc đời.

Dòng đời trôi, em ngắm nhìn phong cảnh kỳ ảo mà thiên nhiên đang hiển dâng cho em, bờ biển như được gọt dũa thành từng miếng rèm lụa lung treo lủng lẳng, mặt

trời làm sống lại ở đây hàng ngàn thú ánh sáng khác nhau, mỗi cây đong đưa theo nhịp điệu mơn trớn của gió.

Dòng đời trôi, dòng nước sông đang chảy cuồn cuộn như giận dữ, mãnh ruộng lơ dềnh, lạnh lùng như không để ý đến sự hiện diện của con người, núi cao vời vợi như chế ngự cảnh vật và cuộc đời, ánh mặt trời thay đổi từng giây phút suốt ngày từ màu nhạt đến màu đậm như những chất liệu bằng màu pha trộn bị đông đặc, những con chim vút bay cao trên đầu, những con cá vừa tìm săn những con cá nhỏ khác vừa cố gắng tránh làm phiền cho những con chim bói cá đang bay lượn vòng quanh trên mặt nước.

Dòng đời trôi, những lần em cảm thấy cô độc như một khu vườn bị khô khan, những cây hoa mọc lên ở đó không có hương thơm. Những cảm xúc em tạo ra để được chia sẻ, sức lực và can đảm như hai cây nạn có thể quay chống trở lại và làm đau khổ cho những ai sử dụng chúng một cách vụng về.

Dòng đời trôi, em như bất lực trước những ham muốn, những thèm thuồng hay những nỗi dấy trong lòng. Những cảm giác vượt quá sức chịu đựng cứ quay cuồn không ngừng, theo đuổi suốt cuộc đời, em cố quên đi nhưng rồi chúng trở thành như một ám ảnh. Em nghĩ đến nghệ thuật sống tùy thuộc vào khả năng chống lại sự bất lực đó, nhưng thật khó khăn vì sự bất lực thường làm nói rộng thêm sự sợ hãi. Sự sợ hãi làm tiêu hủy phản ứng, trí thông minh và sự hiểu biết của em để mở đường cho sự yếu đuối.

Dòng đời trôi, nghi ngờ và chọn lựa đi theo bên em là hai sức lực làm rung động những sợi dây cảm xúc nhưng em cảm thấy

chỉ có những kết hợp hòa điệu của sự rung động này mới thật đáng kể. Cũng như tất cả những buổi sớm mai đều yên lặng nhưng chỉ có một vài yên lặng nào đó đồng nghĩa với sự trống vắng, còn những yên lặng khác đôi khi đầy phức tạp.

Dòng đời trôi, niềm vui là một con chim bay lượn là đà trên những cánh đồng lúa đang trở bông. Nỗi buồn là một con chim đen với đôi cánh to khỏe mạnh bốc em lên phía trên cuộc đời đang lấp lánh chiếu sáng đến tận miền nước sâu, đến chỗ trong cùng của những cành lá che lấp mặt mù. Con chim phiền muộn bay vút cao lên bầu trời có những tầng mây xanh trắng, nơi đó có những thiên thần chăm sóc nỗi khổ đau đang canh gác cõi chết.

Dòng đời trôi, và phải chăng em đã ngủ? Và phải chăng, trong giấc ngủ, em đã mơ? Và phải chăng, trong giấc mơ, em đã đi đến tận thiên đàng và hái được một đóa hoa đẹp, lạ lùng? Và phải chăng, lúc thức dậy, em đã cầm đóa hoa ở trong tay? Và, rồi sao nữa đây?

Dòng đời trôi, ngày qua lại ngày, như người mộng du, con đường sỏi đá.

Em vẫn trôi theo dòng đời, rồi một hôm, một phút huy hoàng chợt đến, em dùng chân, em nhìn thấy một con đường đầy ánh sáng và xa lạ, con đường đi vào phía bên trong em, như con đường đi về phía bên kia của một tấm gương soi, trên con đường luôn luôn sáng rỡ, tựa hồ như không có thời gian, đây hoa thơm cỏ lạ này, em nhìn thấy lại những gì em đã trải qua trong nghìn đời trôi nổi không dùng bước và rồi chợt bỗng dòng đời ngừng trôi, thời gian dừng lại, chỉ còn em, Phương Lan, với nụ cười trên môi.

Trần Tam Nguyên

(Paris)

Người phụ nữ Việt Nam qua trào lưu Tự Lực Văn Đoàn

Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên

Sau một nghìn năm đô hộ (từ 111 trước Tây lịch đến 931 sau Tây lịch), nước Việt Nam ngày xưa nhiễm văn minh Tàu và nhất là Nho giáo trên mặt luân lý trong và ngoài gia đình. Khổng tử dạy : quân tử (trái lại với kẻ *tiểu nhân*) là người phải có năm đức hạnh : nhân, lễ, nghĩa, trí, tín... và trong cách đối xử trong xã hội lúc nào cũng phải giữ một tấm lòng trung trực : bày tôi đối với vua (quân thần), con đối với cha (phụ tử), em đối với anh (huynh đệ), vợ đối với chồng (phu phụ), bạn đối với bạn (bằng hữu)...

Đạo Khổng xem đàn bà như là *hư không*. Bôn phận người phụ nữ trong nhà là vâng vâng dạ dạ trước đàn ông, nghĩa là tuân theo cha khi còn nhỏ, rồi tuân theo chồng (xuất giá tòng phu) và tuân lời con trai cả khi góa bụa. Áp dụng chủ nghĩa hạn chế nhân khẩu (malthusianisme), một phong tục dã man ở Trung quốc cho phép cha mẹ một hài nhi *gái*, được từ bỏ con ngay khi mới ra đời bằng cách dìm xuống nước cho chết đuối hoặc ruồng rẫy, không nuôi nấng. Từ ngày độc lập, trong những Hiến pháp của miền Nam tự do ban hành năm 1956 và 1967, và Hiến pháp Bắc Việt năm 1946, 1959... bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà được công nhận, đặc biệt nhất

là trên mặt phổ thông đầu phiếu. Chế độ đa thê cũng được chính thức bãi bỏ.

Trở lại nước Việt Nam ngày xưa, hoàn toàn thấm nhuần Nho giáo, dựa trên quan niệm rằng đời sống con người không thể tương tượng ở ngoài xã hội. Durkheim bị ảnh hưởng đạo Khổng 2500 năm sau khi ông nói *người chỉ là con người bởi vì sống trong xã hội* (1). Người Việt trong cựu An Nam (trước khi tiếp xúc lần đầu tiên với Âu Tây), sống kết hợp chặt chẽ trong gia đình, hoặc trong làng xã với đồng hương một cách hết sức liên đới. Cũng vì thế mà chính thể quân chủ chuyên chế được củng cố, trong khuôn khổ một nền kinh tế nông nghiệp, chậm tiến và tiền tư bản. *Gia đình* là một cơ quan mà theo Pierre Gourou, tương tự « một Vương Quốc mà Vua là người gia trưởng ». Người chủ nhà (Père de famille) có quyền chuyên chế (pouvoir absolu) trên mặt giáo dục con cái trong gia đình, quyền sở hữu (droit de propriété) về phần tài sản, dụng sản và ngay đến cả thân phận người con gái (xem như vị thành niên vĩnh viễn) và con trai tuổi ấu thơ. Trưởng nam có bôn phận làm *huong hóa*, nghĩa là thờ phụng tổ tiên, đời này qua đời khác, đặt tên tuổi *dòng họ* được tồn tại.

Về vấn đề *hôn nhân*, người con trai (nói chung) có bốn phân phái *lấy vợ có con*, nhằm vĩnh truyền chủng tộc (perpétuation de l'espèce). Lễ dĩ nhiên, sự chọn lựa người dâu tương lai cho gia đình thuộc toàn quyền gia trưởng, không ai được kháng cáo. Cái quan niệm về hôn nhân này trở thành lạc hậu trong xã hội Việt Nam sau thế chiến 1914-1918, nhất là vào những năm 1925-1930, bị ảnh hưởng văn hóa Âu Tây, nếu không đảo lộn hoàn toàn thì cũng có nhiều thay đổi sâu đậm trong lãnh vực luân lý và cải lương phong tục (2).

Trong không khí khủng hoảng luân thường đạo lý này, nhà văn Hoàng Ngọc Phách cho xuất bản « *Tổ Tâm* », một tiểu thuyết nhắc nhở, gợi hình ảnh sự xâu xé của thể hệ trẻ mới giữa gia phong (nệ cổ gia đình) và tư tưởng mới mà văn minh Pháp đã đem vào xã hội Việt Nam. Theo học giả Đào Đăng Vỹ - trong thuyết trình bằng Pháp ngữ ông làm tại Huế và Sài Gòn năm 1949 - « *Tổ Tâm* là một tài liệu rất quý báu về sự diễn tiến này. Bởi vì *Tổ Tâm* không chỉ là một chuyện tình đau khổ tầm thường. Lần đầu tiên trong văn chương nước ta, nó làm nổi bật quang cảnh chiến đấu giữa cá nhân và gia đình, giữa con người và phong tục Khổng giáo của xã hội Viễn Đông. Nếu *Đạm Thủy* và *Tổ Tâm* (người thiếu nữ vai chính trong truyện) không lấy nhau được, là vì cha mẹ hai bên đã lựa chọn từ lúc nhỏ mà không cho hai đứa biết, một vị hôn thê và một vị hôn phu, mà hai đứa trẻ sẽ phải kết hôn, phải thương yêu, bởi vì đó là một *tặng vật* thiêng liêng của gia đình. Sự hôn nhân trong xã hội thủ cựu của chúng ta, không phải là một chuyện riêng tư giữa hai người đàn ông và đàn bà, nhưng là một chuyện gia đình ngoài ý kiến của người trai trẻ và thiếu nữ trong cuộc. Song thanh niên Việt Nam thế hệ 1925 đã bắt đầu biết rõ những tự do mà cá nhân được hưởng thụ trong xã hội Âu Tây và sự tôn trọng con

người trong những nước không có Khổng giáo mà con người không bị hy sinh cho gia đình, cho cộng đồng và cho phong tục cổ truyền... ». Và nhà thuyết trình nói lên nỗi thất vọng của mình : « Về phần *Tổ Tâm*, nếu nàng cam chịu và ưng thuận sự hôn phối (ép buộc) để chết trong lòng vì buồn đau, những người trai gái khác thời bấy giờ ưa tự sát hơn đặng thoát khỏi cái số phận mà gia đình định trước. Nếu ta mở những trang báo trong những năm 1925-1930, ta thấy đăng nhiều tin về thiếu nữ tự vẫn bằng cách nhảy xuống nước lãng mạn của hồ Trúc Bạch và hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội » (3).

Thanh niên Việt Nam thấm nhuần văn hóa Âu Tây (một phần đã theo học Đại học Pháp khi trở lại quê hương), chỉ có thể lựa chọn giữa hai thái độ : hoặc cam chịu sống trong một xã hội thủ cựu (phi tiến bộ), hoặc theo con đường phản kháng, chống đối phong tục lỗi thời của Nho giáo. Tiên phong trong cuộc chiến đấu này, một nhóm thi văn sĩ thuộc thế hệ mới 1930 (ba anh em họ Nguyễn Tường : Nhất Linh, Hoàng Đạo, và Thạch Lam), bắt đầu sáng lập báo *Phong Hóa* năm 1932 (cuối năm, báo gặp khó khăn, ai cũng sợ không bán được nhiều, thì thân mẫu là bà Nguyễn Tường Nhu nhủ danh Lê Thị Sâm, nói với ba người con ký giả : « Cái ấy khó gì, nếu không bán hết, mang về cho mẹ gói cau cày tiện » (4).

Đó thật là câu nói quả quyết của một người mẹ kính trọng tinh thần chiến đấu bằng ngòi bút của ba người con, một khuyến khích phải tiếp tục mặc dầu những bước đầu gian nan. Sau khi *Phong Hóa* bị đóng cửa, « Ngày Nay » ra đời khoảng 1935- 1936 là một cơ quan chiến đấu của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn (cùng với *Ánh Sáng*, một cơ quan xã hội) chính thức thành lập vào năm 1933, với 8 thành viên rường cột : Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khải Hưng (Trần Khánh Dư),

Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Thê Lữ (Nguyễn Thứ Lễ), Xuân Diệu (Ngô Xuân Diệu), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Trần Tiêu (em của Khải Hưng). Những nhà văn ngoài TLVD nhưng cộng tác trung thành với Nhóm, là : Đoàn Phú Tứ, Huy Cận, Thanh Tịnh, Trọng Lang. Sau nhà in Trung Bắc Tân Văn, sách TLVD đều do cơ sở riêng của nhà xuất bản « Đời Nay » phụ trách phát hành cho độc giả người Việt càng ngày càng đông, càng ngày càng say đắm và hâm mộ lối hành văn quốc ngữ rất trong sáng của những nhà văn TLVD.

Tôn chỉ của văn phái này như sau : « Soạn hay dịch những cuốn sách có tư tưởng xã hội, chú ý làm cho con người và xã hội ngày một hay hơn lên », « Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân, không có tính cách trường giả, quý phái » (Điều 2-3-6 của Qui ước Hội). Nhóm TLVD chỉ trích cách viết bằng sáo ngữ mượn tác giả cổ điển Trung Hoa, cho nên « ngôn ngữ của TLVD có sự cách tân theo hướng trong sáng, mộc mạc làm cho người đọc dễ hiểu vì không sử dụng các điển cố - điển tích » (5). Nhà văn TLVD viết tiếng Việt bằng quốc ngữ (langue nationale) để diễn tả tư tưởng và xúc cảm của mình.

Trên mặt bình cái xã hội, TLVD – nói một cách tổng quát : gồm những phần tử tinh nhuệ mới (thuộc trung lưu trí thức Âu Tây hóa-Khoa bản Đại học Pháp-Hà Nội), đề cao bằng ngòi bút một chiến đấu chống nệ cổ, thủ cựu mà quan chức ngày xưa là biểu tượng, cũng như các thân hào làng xã, các cha mẹ áp dụng một cách mù quáng đạo Khổng. Thật là một cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chủ nghĩa cá nhân Âu Tây và những cộng đồng truyền thống tiếp tục xem là hư không sự hiện thực của cá thể con người nói chung, và người đàn bà trong xã hội nói riêng... *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh (mà chúng ta sẽ phân tích sau),

TRĂM NĂM CHƯA ĐỦ ĐỂ YÊU NGƯỜI

1

Em - một đóa hồng tươi mát,
giữa hồn anh sa mạc.
Như một cơn mưa,
em đến bất ngờ,
với ánh mắt,
nụ cười, anh khao khát.
tự bao giờ.

2

Những bước chân em trên cát nóng,
trên đường xưa in bóng
với Tình Yêu là điệp khúc dô dành
nhau
và từ em, Địa Ngục lún sâu Thiên Đường!

3

Có những đêm tối
song song với chiều dài kỷ niệm
anh vẫn tìm em qua dung nhan kiều diễm.
vẫn tìm em
nghe run rẩy nụ hôn mềm.

4

Em vẫn là cô gái hai mươi,
đến giảng đường xưa chọn một chỗ ngồi.
Và anh vẫn là người sinh viên thừa trước,
trong hành lang đại học,
không rời nhau nửa bước.

5

Dù se sắt nữa, tim ơi!
Trăm năm chưa đủ để yêu người.

VIỆT BẰNG
(California)

một trong những nhà chiến đấu « Việt Nam Quốc Dân Đảng » (Parti Nationaliste Vietnamien), xuất bản năm 1935, với một chủ đề rõ ý nghĩa, là tiếng chuông báo hiệu xuất hành của một cách mạng thực sự chống thành kiến thù cừu trong xã hội làng xã và Nhà nước Nho giáo. Qua vai chính truyện là *Thị Loan*, tiểu thuyết của Nhất Linh là một bản án cáo trạng những quan niệm cũ Á Đông về hôn phối, về nhân sinh và tự do. TLVĐ muốn cắt đứt với cổ tục, đặng cá thể con người được mở mang, mục đích đem lại một cuộc đời mới mà nguyên tắc là hạnh phúc của mỗi người (không phân biệt trai hay gái) và của tất cả mọi người (6).

Thân mẫu của Nhất Linh, bà Nguyễn Tường Nhu, một người đàn bà đã đóng vai trò quan trọng nhất « ...phía sau » TLVĐ (7). Góa chồng lúc 37 tuổi, bà đã khuya sớm tần tảo nuôi nấng 7 người con cho đến khi các con học thành đạt, làm việc có lương bổng mới nghỉ ngơi : « Trừ Thạch Lam, và con gái Nguyễn Thị Thế, còn lại 5 người đều có bằng cử nhân, riêng Nhất Linh đỗ cử nhân khoa học Pháp trở về nước làm báo, làm văn chương... Nuôi dưỡng được ngần ấy người, bà Nhu vượt bao nhiêu sóng gió. Nhưng bù đắp lại bà Nhu có những niềm vui. Đó là lúc 3 người con trai Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) và bác sĩ Nguyễn Tường Bách đều trở thành đại biểu Quốc Hội khóa I của nước VN độc lập. Rồi Hoàng Đạo làm Bộ trưởng bộ Quốc dân Kinh tế trong chính phủ liên hiệp lâm thời, sau đến Nhất Linh làm Bộ trưởng Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp kháng chiến » (8).

Bà mẹ VN ở đây không bao giờ làm trở ngại con đường tương lai và hoài bão cao quý của các con : lúc Hoàng Đạo vừa đỗ bằng cử nhân luật, trước khi nhậm chức tri huyện, về nhà xin ý muốn người mẹ hiền. Bà âu yếm trả lời :

« Nay con , thành đạt rồi mỗi người có chí hướng riêng, tùy con định đoạt. Ông cha ngày xưa nổi tiếng thanh liêm, làm quan thương dân để đức cho con cháu. Các con đừng làm gì hại đến thanh danh tiên tổ... » (9).

Một người đàn bà thứ hai ở « phía sau TLVĐ » là phu nhân của nhà văn, chính khách Nhất Linh : « Đôi mắt bà chớp chớp... Một đôi mắt to mênh mông, có hàng mi dài óng ả. Ánh sáng vừa dịu, vừa như có một cái gì như sẵn sàng vì mọi người... Tôi nhớ mãi cặp mắt ấy. Cặp mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh, vì người thân yêu của mình. Cặp mắt của người đàn bà Việt Nam, cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ » (10).

Làm vợ của một nhân vật nổi tiếng thời TLVĐ không phải là một chuyện thường ! Bà Phạm Thị Nguyên đã trải qua nhiều buồn vui, hạnh phúc và khắc khổ. Những năm Nhất Linh lưu lạc xứ người trên đảo Sừng Châu - Trung Hoa, là những năm đau đớn nhất... Bà đã không ngần ngại (mặc dầu con đường xa xăm và đầy chông gai) kiếm cách đi thăm và đem lại an ủi và com nước cho chồng. « Lo lắng khi thấy chồng sống cô độc trên đất khách, bà tìm cách nhắc lại một cách khéo léo về thời TLVĐ làm báo, viết sách của chồng. Như một phép lạ, nét mặt Nhất Linh vui, tươi sáng. Ở trang đầu bản thảo tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới*, Nhất Linh viết tại Hương Cảng có mang những dòng chữ : *Tặng Nguyễn, người rất thân yêu, đã khuyên tôi trở lại đời văn sĩ và nhờ thế cuốn Xóm Cầu Mới này khởi đầu từ 1940 mới được viết tiếp theo.* Hương Cảng trên núi, ngày 16/10/1949. Nhất Linh » (11).

Nói về người phụ nữ Việt Nam qua trào lưu TLVĐ, lẽ dĩ nhiên là chúng ta không thể bỏ qua tiểu thuyết « Đoạn Tuyệt » (như đã nhắc

nhỏ trên) của Nhất Linh. Trong sách, tác giả đưa ra vấn đề cá thể con người và nhất là người đàn bà quyết tâm phản kháng gia đình nệ cổ. Trương Tửu khen ngợi vô cùng : « Cuốn Đoạn Tuyệt là một vòng hoa trắng lệ đặt trên đầu chủ nghĩa cá nhân. Tác giả có đường hoàng công nhận sự tiến bộ và hăng hái tín ngưỡng tương lai. Ông giúp bạn trẻ vững lòng phấn đấu, nghĩa là vui mà sống » (12).

« Đoạn Tuyệt » thuộc trào lưu TLVD lãng mạn phản kháng (romantisme de la révolte) và phóng thoát người phụ nữ ra khỏi thân phận làm dâu trong gia đình với mẹ chồng. Vai chính truyện là Loan bó buộc lấy Thân làm chồng, mà nàng không yêu, nhưng phải làm vừa lòng mẹ nàng, đặng trả nợ một số tiền cho gia đình chồng. Nàng hy sinh mối tình với Dũng, một người bạn từ thuở nhỏ, mà nàng khâm phục can đảm và trí óc thông minh. Làm dâu với mẹ ghê trong gia đình chồng là bà Phán Lợi, thật khổ sở, cả tinh thần lẫn vật chất. Vì mẹ chồng xem nàng như một vật liệu mà bà đã phải trả một giá rất cao, cho nên phải xử dụng không dặt dè. Bà Phán đã cho Loan biết một cách rõ ràng qua lời bà chủ nhà mắng một người đầy tớ : « Tôi nuôi các người để các người làm giúp đỡ tôi chứ để các người ăn không, ngồi đùa rờn đây à ? ». Thật ra, Loan bị đè ép nặng nề (về mặt tinh thần) bởi cay nghiệt của mẹ chồng hơn là sự mệt mỏi thân thể, cộng thêm mối ác cảm của hai người em gái của Thân. Ta có cảm tưởng là trong những gia đình nệ cổ, bởi vì mẹ ghê lúc xưa bị đau khổ nhiều trong thời chính mình làm dâu, cho nên bây giờ đến lượt trả thù bằng cách làm đau đớn con dâu của chính mình. Sự liên đới lạ lùng này đoàn kết nhiều thể hệ đàn bà đã trở thành đao phủ thủ sau một thời chịu đựng khổ đau vì mẹ chồng.

Loan có thể đủ sức chịu đựng những bất công và phiền rầy ấy nếu nàng lấy một người

chồng biết thông cảm nông nổi của nàng. Nhưng Thân là một người ngu độn, vô tình vô trí giác, nhu nhược và hèn nhát. Trong những cuộc tranh nghị giữa nàng và gia đình chồng, Thân bao giờ cũng theo phe mạnh nhất, nghĩa là phe mẹ và hai em gái của chàng. Tỷ dụ : sau khi đưa con trai của Loan và Thân chết yểu vì bà Phán Lợi – thay vì chạy chữa theo thuốc Tây – cứ tiếp tục cho uống nước pha kiêu phù thủy, mê tín. Đến lúc trầm trọng, Loan đưa lên nhà thương thì đã quá chậm. Đưa con mất vì dị đoan của bà nội nó, nhưng bà mẹ ghê đổ lỗi cho Loan vì đã đưa con gần hấp hối lên nhà thương, nghĩa là chữa bệnh theo kiểu Tây phương. Từ đạo ấy, sự có mặt của Loan trong gia đình chồng trở thành vô nghĩa. Mất con trai đầu lòng, gia đình không thừa tự, Thân lấy vợ bé sinh hạ một đứa con trai, Loan vì vậy có thêm một kẻ thù trong nhà, luôn xác xược, vô lễ với nàng, vì dựa trên gia đình lúc nào cũng cho vợ hai của Thân là nói đúng.

Không khí gia đình trở nên khó thở. Không chịu nổi, Loan ngày đêm chỉ nghĩ đến chuyện phải trốn chạy, nhưng một việc bất chùng (ngoài ý muốn) sẽ chấm dứt nỗi đau khổ của nàng. Trong một cuộc cãi lộn rất náo nhiệt giữa hai vợ chồng, Loan bị Thân đâm mạnh vào ngực và nàng bị ngã lăn xuống đất, bà Phán khuyến khích thêm người con mình : « Đánh chết nó đi cho tôi. Chết đã có tôi chịu tội ». Thấy Thân tay cầm lấy cái lọ đồng sắn lại phía nàng, « ... trong lúc hốt hoảng liền vớ ngay con dao díp rọc sách để ở bàn định giơ đỡ, Thân như con hổ dữ đập đổ một cái lọ đồng đập vào Loan. Loan né mình tránh được và trượt chân ngã xuống giường, con dao cắm chắc trong tay. Thân quá đà cũng ngã mạnh vào người Loan, Loan thấy cái cán dao ấn mạnh lên tay nàng và Thân kêu một tiếng... ».

Thân chết vì cây dao mà Loan thật ra không ứng dụng. Bà Phán buộc tội Loan giết chồng. Nhưng Tòa tha trắng án, nhờ lời biện hộ rất hùng hồn và khúc chiết của Trạng sư : « Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Mà lại còn đổ cho Thị Loan cái tội giết con ! Đến nay, bà đổ cho Thị Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân lý trái mùa và quá ư nghiêm ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị Loan và cái luân lý cổ hủ kia. Nhưng nếu vượt lên, và nghĩ rộng ra không kể cá nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả, mà lỗi ở sự xung đột hiện thời đương khốc liệt của hai cái mới, cũ... ». Và kết luận : « *Các ngài tha cho Thị Loan tức là tha cho một người đã bị tội oan, tha cho một người đau khổ vì đã phí cả một đời thanh xuân và đã đem thân hy sinh cho cái xã hội mới cũ khắt khe này* ». Như nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã viết rất xác đáng (13) : « Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều khuynh hướng về gia đình, về việc *cải tạo chế độ gia đình để giải phóng cho phụ nữ...* »

Sau Đoạn Tuyệt, Nhất Linh cho xuất bản « Lạnh Lùng » với vai chính trong truyện là một người đàn bà góa bụa (Nhưng) song còn trẻ, nên yêu lên lút một thầy giáo riêng (Nghĩa) của con mình. Nhưng chẳng qua đó là một hạnh phúc mong manh vì nàng không có đủ can đảm đi đến tận cùng của tình yêu, nghĩa là theo tình nhân khi người này phải ra đi... Bị cấu xé giữa hạnh phúc cá nhân và tiếng thom một người dâu thảo « Tiết Hạnh Khả Phong », Nhưng cam chịu tiếp tục đời sống cô đơn, trung thành trong kỷ niệm với người chồng quá cố. « Lạnh Lùng » đi ngược dòng « Đoạn Tuyệt », không thuộc loại văn chương lãng mạn « phản kháng », nhưng hòa điệu một phần nào với tinh thần hy sinh của người phụ nữ Việt Nam lúc bấy giờ.

Nói về người phụ nữ nước ta qua trào lưu TLVĐ, không thể nào bỏ qua được « Hồn Bướm Mơ Tiên » của Khái Hưng, thuộc về phong trào lãng mạn liên quan đến sự *xung đột giữa ái tình và tôn giáo* : Ngọc, một sinh viên Trường Canh Nông Hà Nội nhân dịp hè, đi thăm chùa Long Giác là nơi Sư cụ (mà cũng là bác của mình) tu trì, với ý định ở lại đó nghỉ ngơi khoảng hai ba tuần. Chàng gặp một « ... chú tiêu quần áo nâu, chân đi đôi giép quai ngang sơ sài, đầu đội cái thúng đầy sắn, đương lần từng bước leo xuống con đường hẻm. Thốt gặp người lạ, chú bẽn lẽn, hai má đỏ bừng... » (14), nhưng không ngần ngại chỉ dẫn đường cho Ngọc cùng đi về chùa... Bước chân bên chú tiêu (Lan), chàng không khỏi nghĩ thầm : « Quái lạ ! sao ở vùng quê lại có người đẹp trai đến thế, nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng, trong trẻo như tiếng con gái » (15). Cảm tình đầu tiên giữa hai người đã trở thành tình bạn thân thiết, và trong những ngày ở lại chùa Long Giác, Ngọc tìm đủ cách để khám phá cuộc đời bí mật của chú tiêu Lan. Cuối cùng, chính Lan đã phải thú thật rằng nàng là gái già trai để có thể trốn đời nương nhờ cửa Phật : « *Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng đâu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kể tu hành này, kể tu hành khôn khổ này ra mà thôi* » (16). Một mối tình đã chớm nở lúc đầu mới gặp nhau nay trở thành nồng nhiệt, đắm say của Ngọc đối với Lan, nhưng về phía Lan – vì một lời hứa lúc mẹ nàng hấp hối : « Quên, phải quên ! Lời thề trước linh hồn mẹ, ta hãy còn nhớ đình ninh trong trí. Đó là cái bùa để trừ bỏ những sự cảm dỗ của tình ái nhỏ nhen nơi dương thế » (17). Kết cục, Lan và Ngọc đồng ý – như một nguyện thề - từ bỏ ái tình trần tục bằng cách chia rẽ nhau trong cuộc đời, đặt vươn lên một ái tình cao cả, đẹp đẽ và vĩnh cửu trong tâm niệm : « Yêu là một

luật chung của vạn vật, là bản tính của Phật giáo. *Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng*, Phật tổ cũng chẳng cảm đoán đôi ta yêu nhau như thế » (18).

Trong *Anh Phải Sống*, tác giả Khải Hưng thuật chuyện một cặp vợ chồng rất nghèo, ngày ngày với một chiếc thuyền nan, bơi ra giữa dòng sông Hồng vớt củi để nuôi ba đứa con còn thơ dại. Hôm ấy, sau khi thuyền đã chứa đầy những cành khô nặng trĩu, trời bỗng đổ mưa sầm sét, chiếc thuyền với củi nặng bị đắm chìm, hai người cố gắng bơi cho tới bờ. Người vợ quá yếu không chống nổi những làn sóng lớn... nếu tiếp tục vịn vào vai chồng đến lúc chồng không đủ sức bơi một mình cho cả hai người thì chết cả hai. Nàng quyết định buông tay để thân mình chìm xuống đáy sông sau khi nói khẽ với chồng phải nghĩ đến ba đứa con : « Thằng Bò ! Cái Nhón ! Cái Bé ! ... Không ? ANH phải sống ! » :

« *Dèn điện sáng rực xuống bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngói khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng linh hồn kẻ đã hy sinh vì lòng thương con. Trong cảnh bao la, nước sông vẫn lãnh đạm chảy xuôi dòng* ».

Nhạc Sĩ Lê Mộng Nguyên (Paris)

Chú giải :

1. « L'homme n'est homme que parce qu'il vit en société ».
2. Xin tham khảo : Lê Mộng Nguyên, *Orient-Occident : le choc des cultures et son impact sur la décolonisation française au Vietnam* (Communication du 1^{er} décembre 2006 à l'Académie des Sciences d'Outre-Mer), MONDES ET

CULTURES, Tome LXVI – 2006 – Volume 1, Les Séances, pp. 512-521.

3. Đào Đăng Vỹ, *Evolution de la littérature et de la pensée vietnamiennes depuis l'arrivée des Français jusqu'à nos jours*, Huế, Tao Đàn 1949, pp.17-18.
4. Tài liệu « Diễn Đàn Thơ Văn » trên mạng 14/12/2008 : « Hai người đàn bà phía sau TLVĐ ».
5. Tào Văn Ấn, *Khuynh hướng hiện thực trong một số tiểu thuyết TLVĐ*.
6. Lê Mộng Nguyên, Thông điệp ngày 01 th.12-2006 tại HLVKHHN Pháp – Xin xem cùng tác giả Lê Mộng Nguyên : *Chung dựng văn hóa xã hội tại Việt Nam trong thời kỳ giữa hai cuộc đại chiến*, Tập San « Định Hướng » Số 54 – Mùa Đông 2008, tr.65-72.
7. Tài liệu ĐDTV (Id., Ibid.).
8. Id., Ibid.
9. Id., Ibid.
10. Anh Thơ, *Từ Bến sông Thương*, Hội ký 1986.
11. Tài liệu ĐDTV (Id., Ibid.).
12. Báo *Loa*, 08/08/1935.
13. Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Quyển Tư, In lần thứ ba, Nhà xb Thăng Long, Sài Gòn 1960.
14. Nhất Linh, *Hồn Bướm Mơ Tiên*, In lần thứ năm, Nhà xb Đồi Nay 1942, tr.13.
15. Id., Ibid., tr.15.
16. Id., Ibid., tr.106-107.
17. Id., Ibid., tr.119.
18. Id., Ibid., tr.135.

